

CHỦ ĐỀ: TUẦN HOÀN

Tiết 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ

I/ Máu:

1. Thành phần cấu tạo của máu:

Máu gồm 2 thành phần:

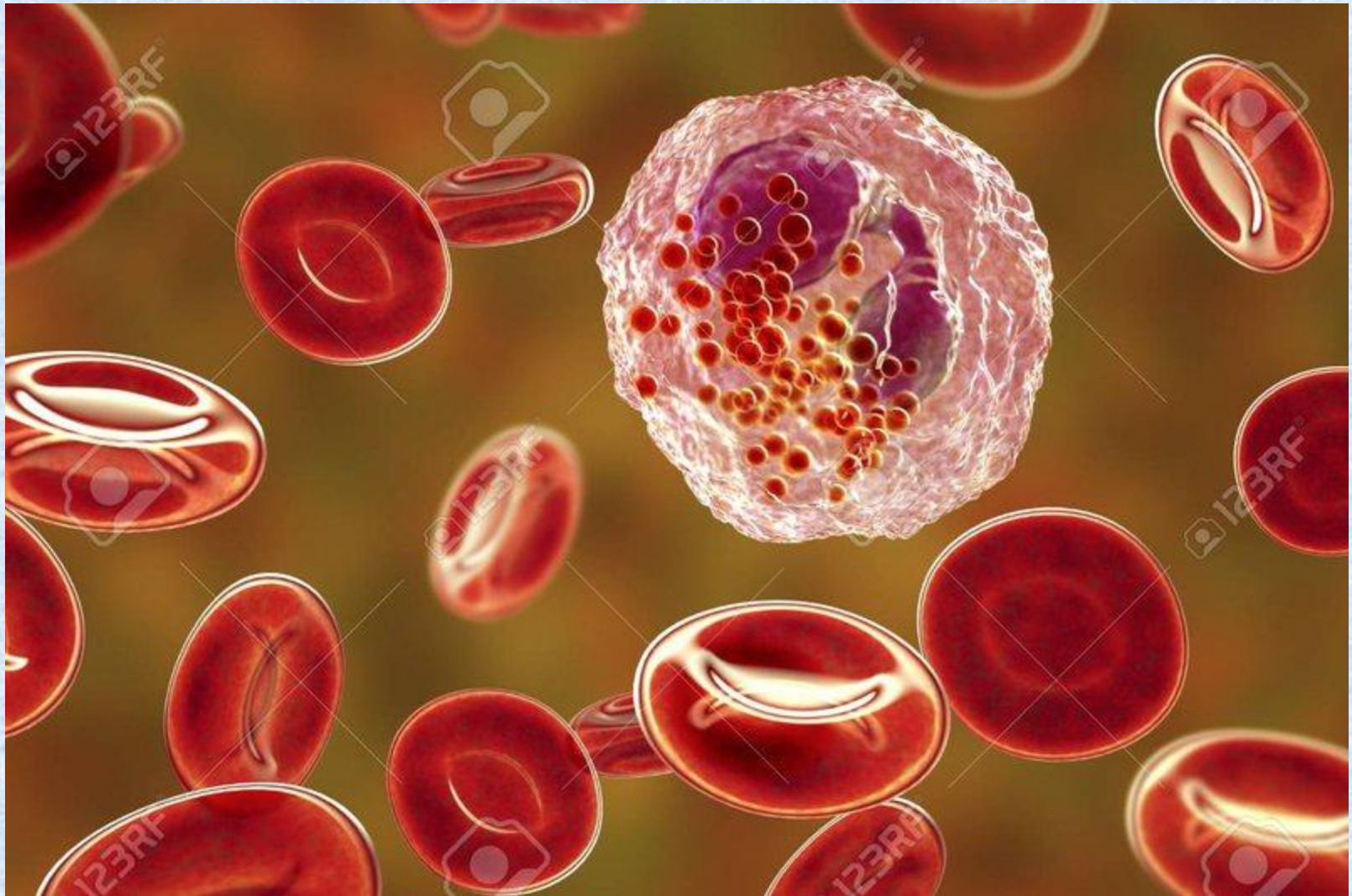
- Huyết tương: lỏng, trong suốt, vàng nhạt, chiếm 55% thể tích.
- Tế bào máu: đặc quánh, đỏ thẫm, chiếm 45% thể tích.

Có 3 loại tế bào máu là: hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

- Hồng cầu: màu hồng, hình đĩa lõm 2 mặt, không có nhân



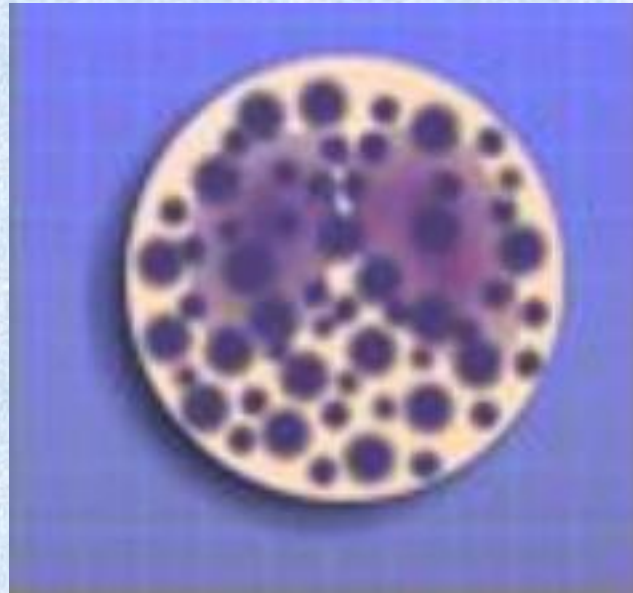
- Bạch cầu: Trong suốt, khá lớn, có nhân



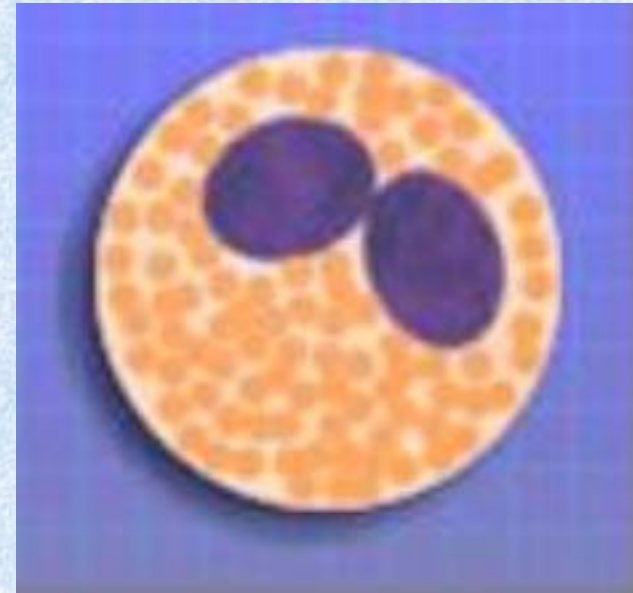
BC ưa kiềm



BC trung tính



BC ưa axít



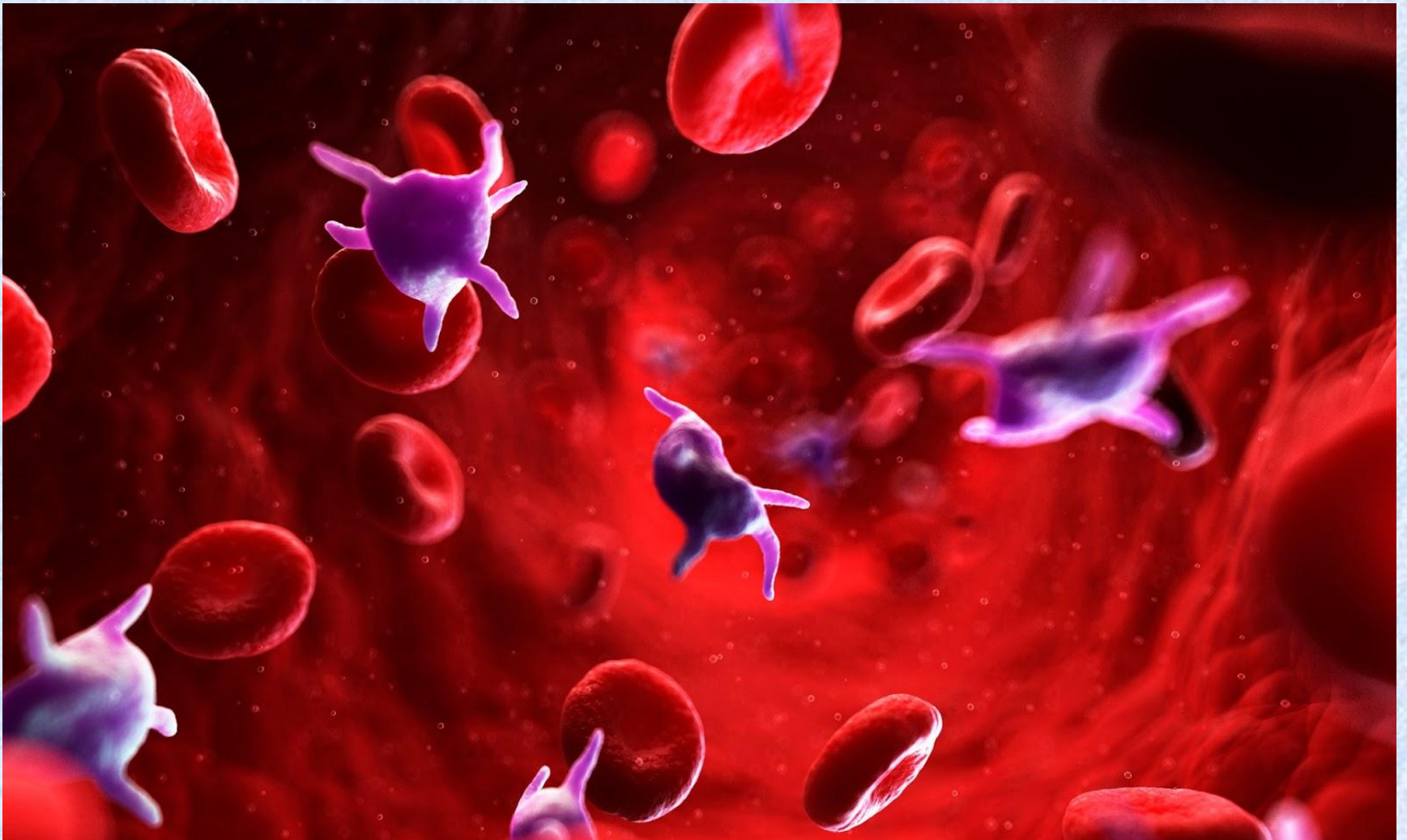
BC Lympho



BC Môno



- Tiểu cầu: Chỉ là mảnh chất tế bào của tế bào sinh tiểu cầu



CHỦ ĐỀ: TUẦN HOÀN

Tiết 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ

I/ Máu:

1. Thành phần cấu tạo của máu:

2. Tìm hiểu chức năng của huyết tương và hồng cầu:

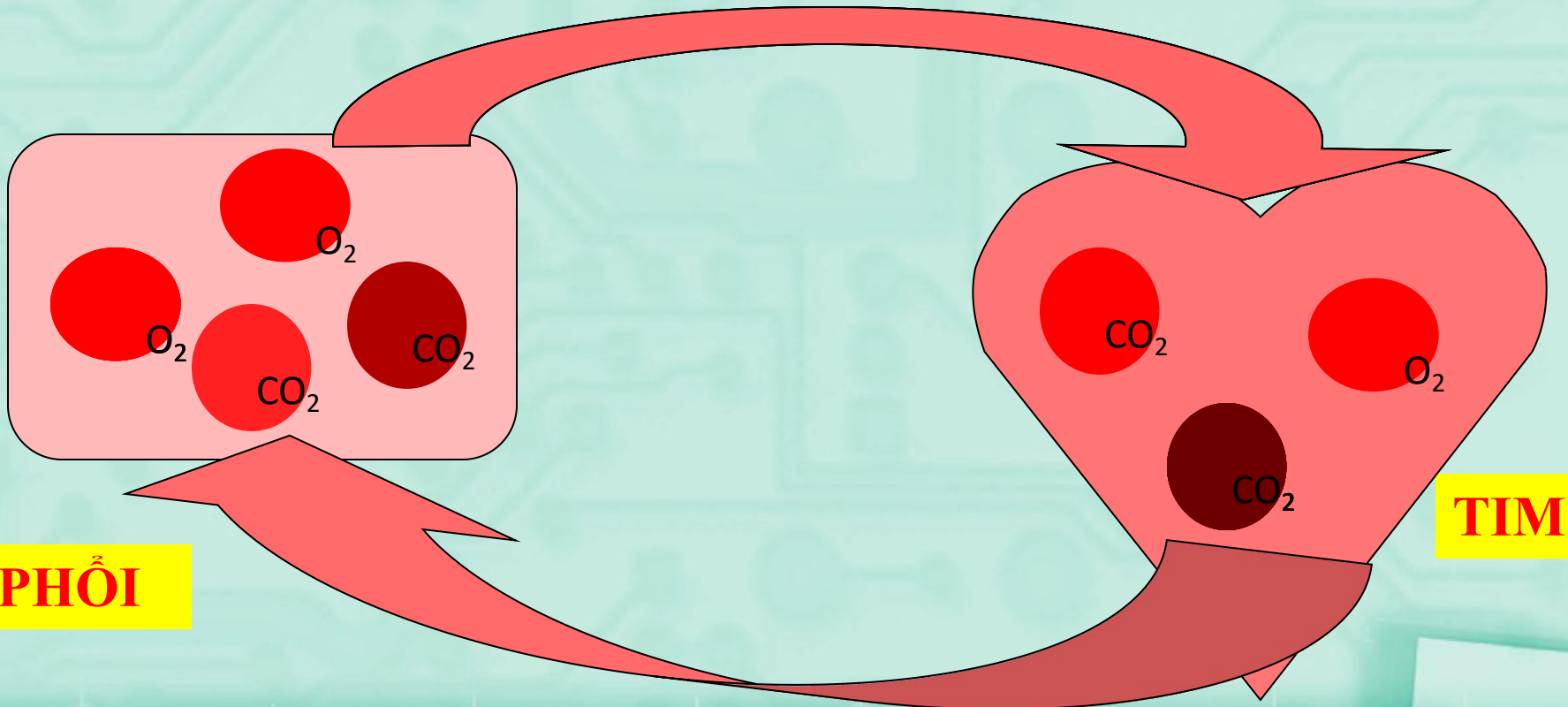
* **Huyết tương:**

- Duy trì máu ở trạng thái lỏng để lưu thông dễ dàng trong mạch.
- Vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và các chất thải.

* **Hồng cầu:**

Có Hb (huyết sắc tố) vận chuyển O_2 và CO_2 .

Sơ đồ minh họa chức năng hồng cầu



CHỦ ĐỀ: TUẦN HOÀN

Tiết 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ

I/ Máu:

II/ Môi trường trong của cơ thể:

Môi trường trong cơ thể gồm những thành phần nào? Vai trò của chúng là gì?

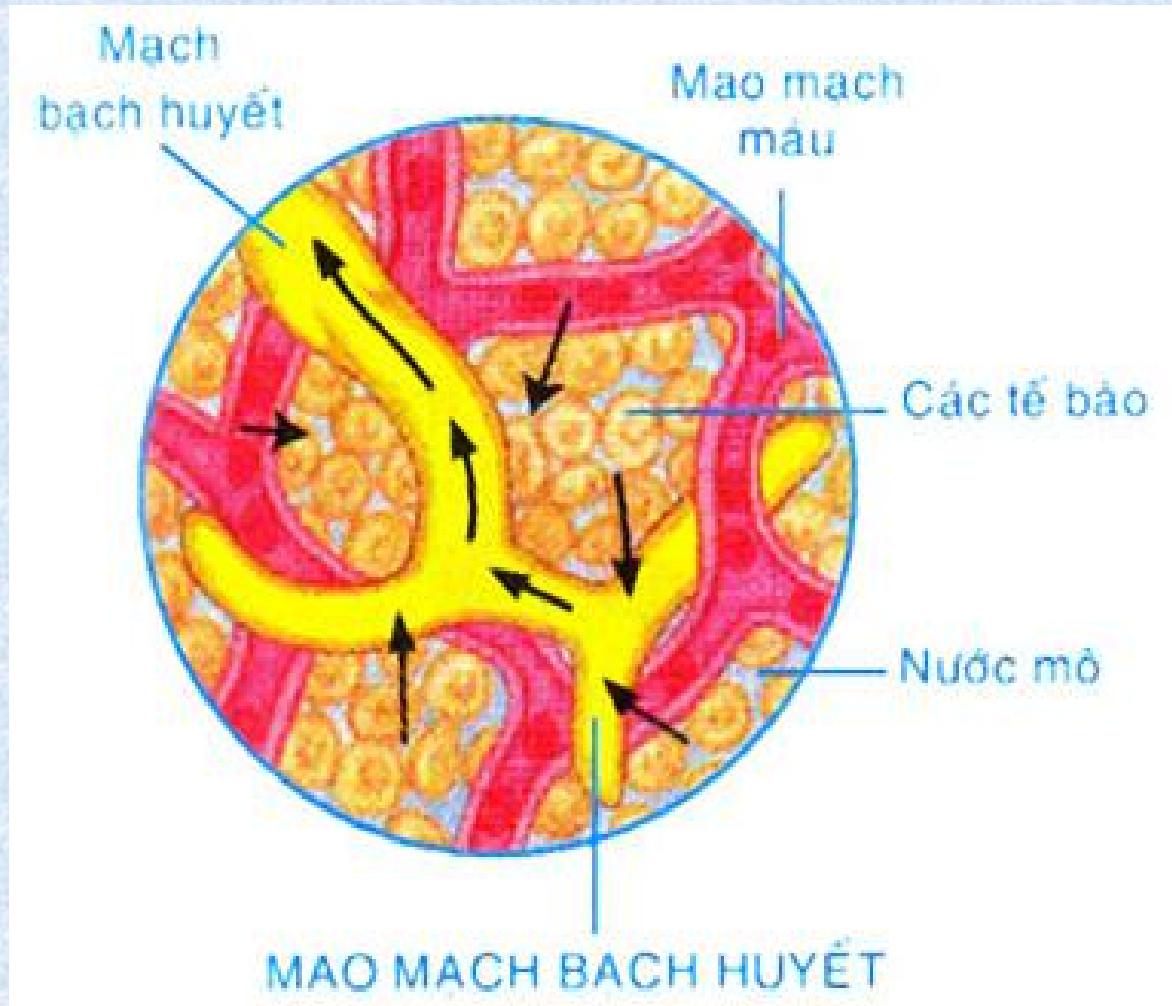
- Môi trường trong của cơ thể gồm: máu, nước mô và bạch huyết.
- Môi trường trong giúp tế bào thường xuyên liên hệ với môi trường ngoài trong quá trình trao đổi chất.

CHỦ ĐỀ: TUẦN HOÀN

Tiết 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ

I/ Máu:

II/ Môi trường trong của cơ thể:



Mao mạch bạch huyết

Nước mô

CO_2

Chất thải

(huyết tương, bạch cầu và tiểu cầu)

D^2
 O_2

O_2 và các chất
dinh dưỡng

Tế bào

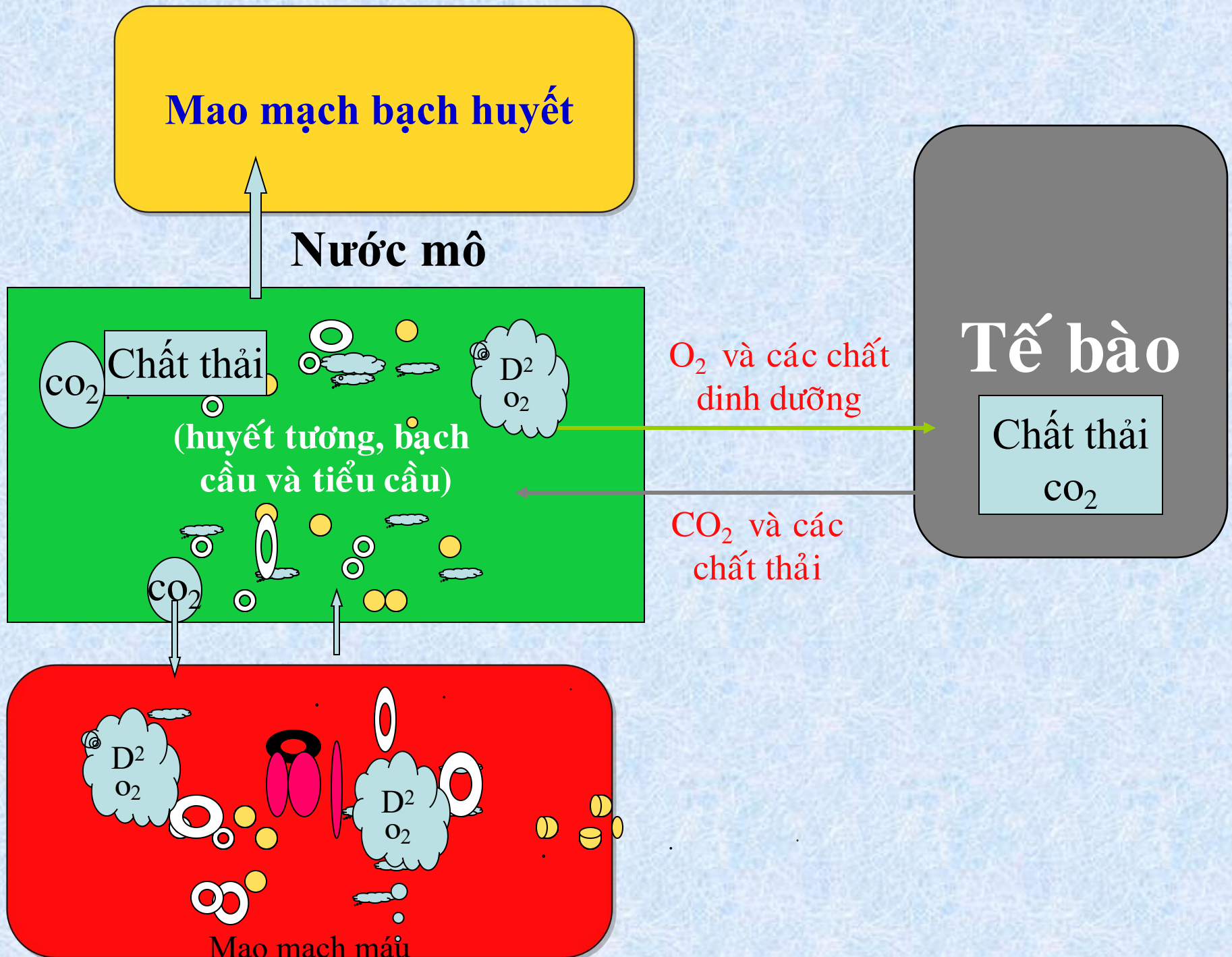
Chất thải
 CO_2

CO_2 và các
chất thải

CO_2

D^2
 O_2

Mao mạch máu



Tiết 14; Bài 14: BẠCH CẦU - MIỄN DỊCH

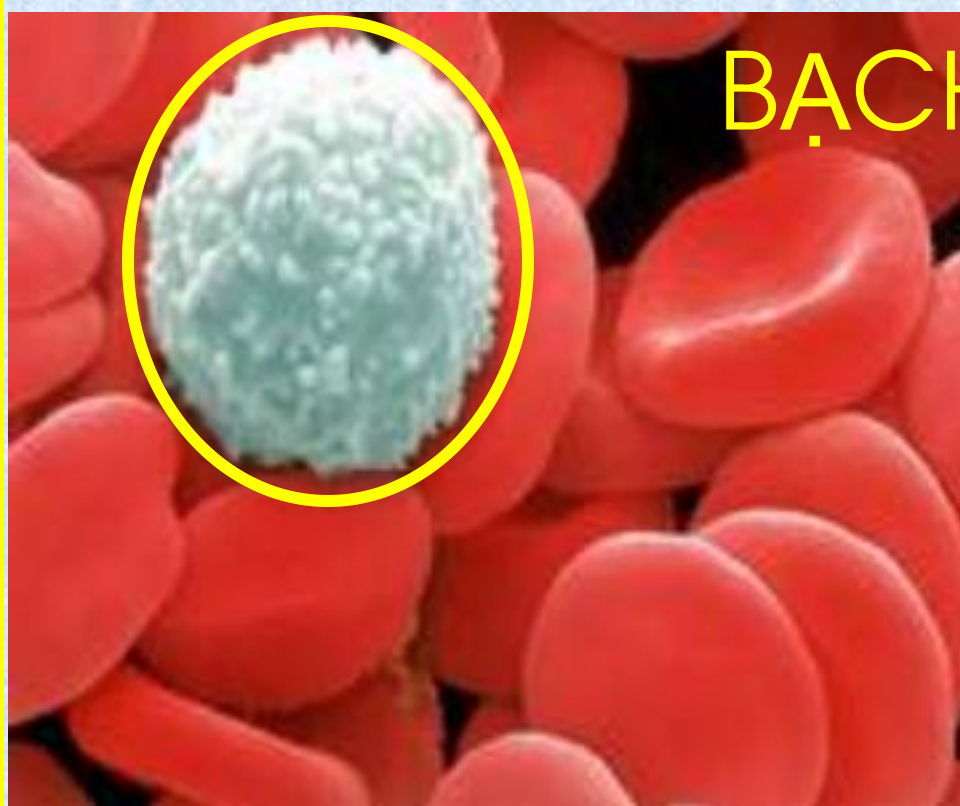
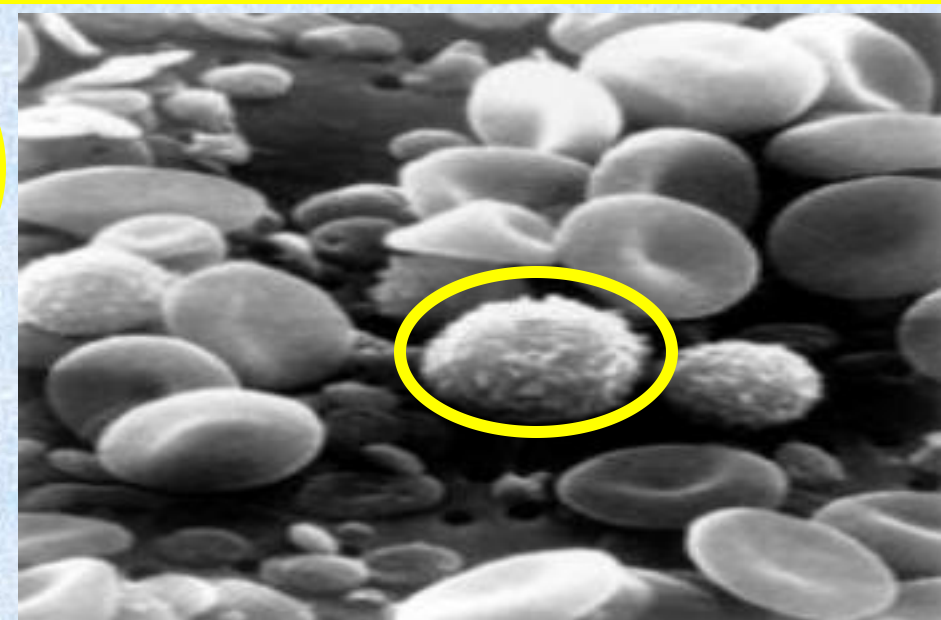
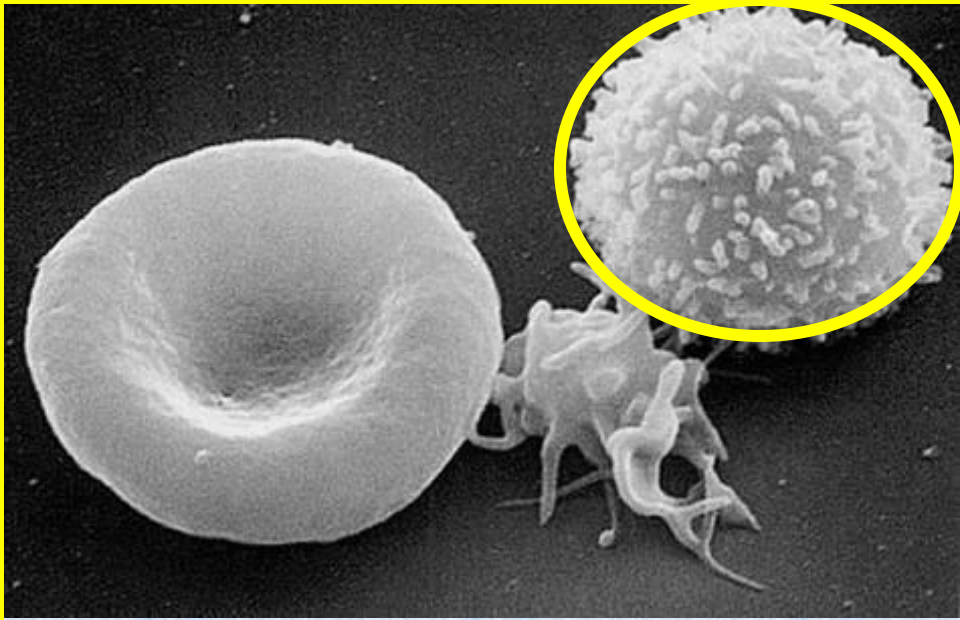
I. Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu :

1

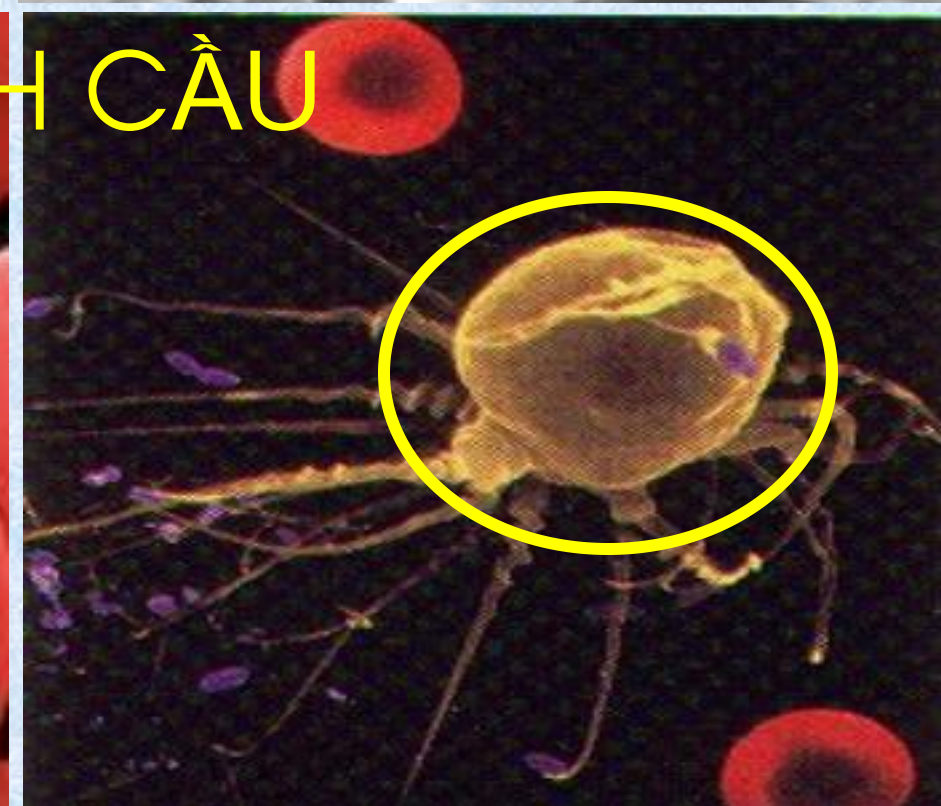
Cấu tạo một bạch cầu

- Bạch cầu là tế bào có nhân, kích thước lớn: đường kính 8-18 μm , số lượng ít hơn rất nhiều so với hồng cầu (7000 – 8000/mm³), không có hình dạng nhất định. Gồm có 5 loại:
 - * Bạch huyết bào(Limphô bào) nhân tròn hoặc hình hạt đậu. Gồm limphô B và limphô T.
 - * Bạch cầu mô nô(đại thực bào): có kích thước lớn nhất, đường kính 13-15 μm , chiếm 2- 2,5% tổng số bạch cầu.
 - * Bạch cầu trung tính, có kính thước 10 μm , các hạt bắt màu đỏ nâu.
 - * Bạch cầu ưa acid, có kính thước khoảng 8-12 μm , hạt bắt màu hồng đỏ.
 - * Bạch cầu ưa kiềm, có kích thước 8-12 μm , hạt bắt màu xanh tím

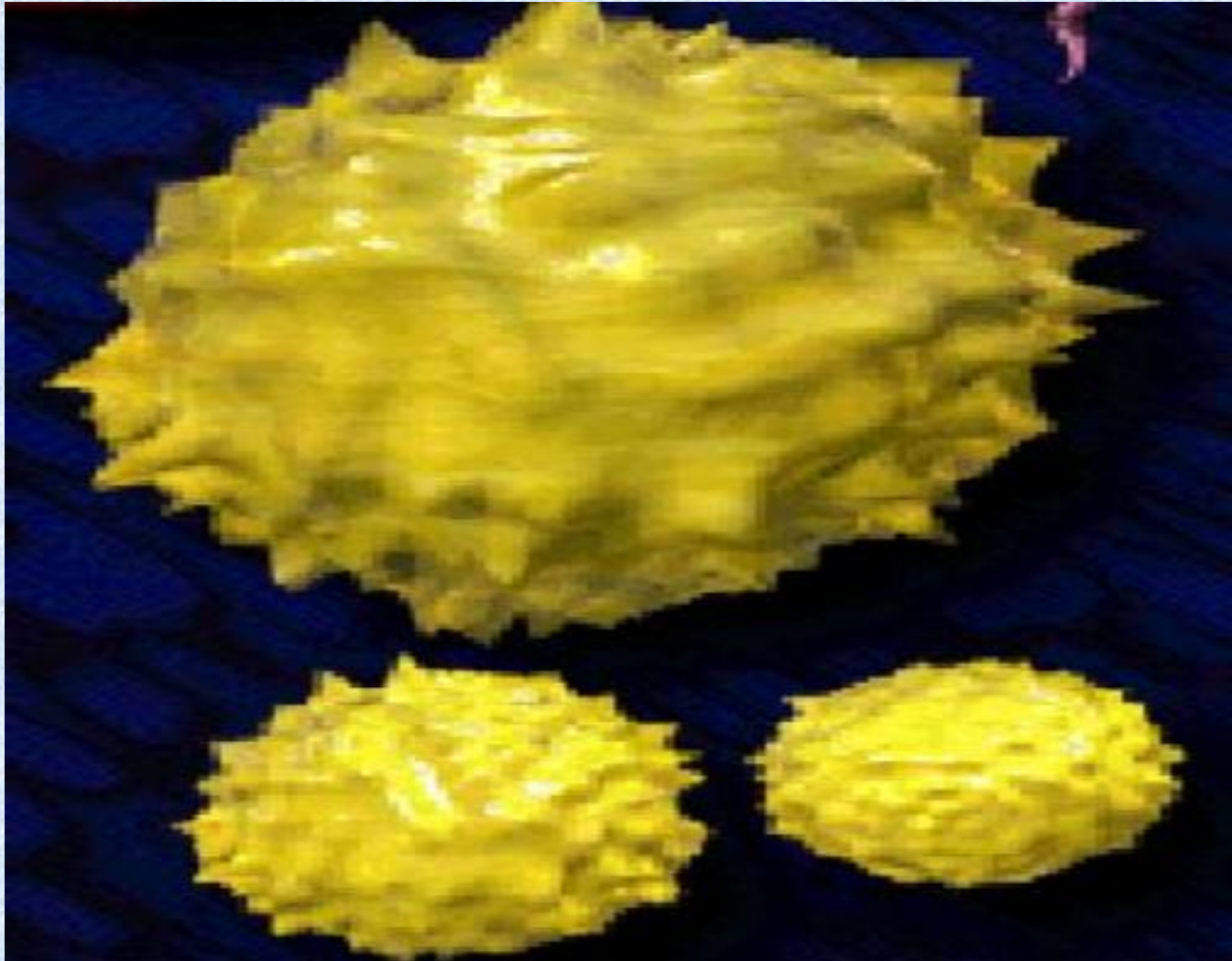




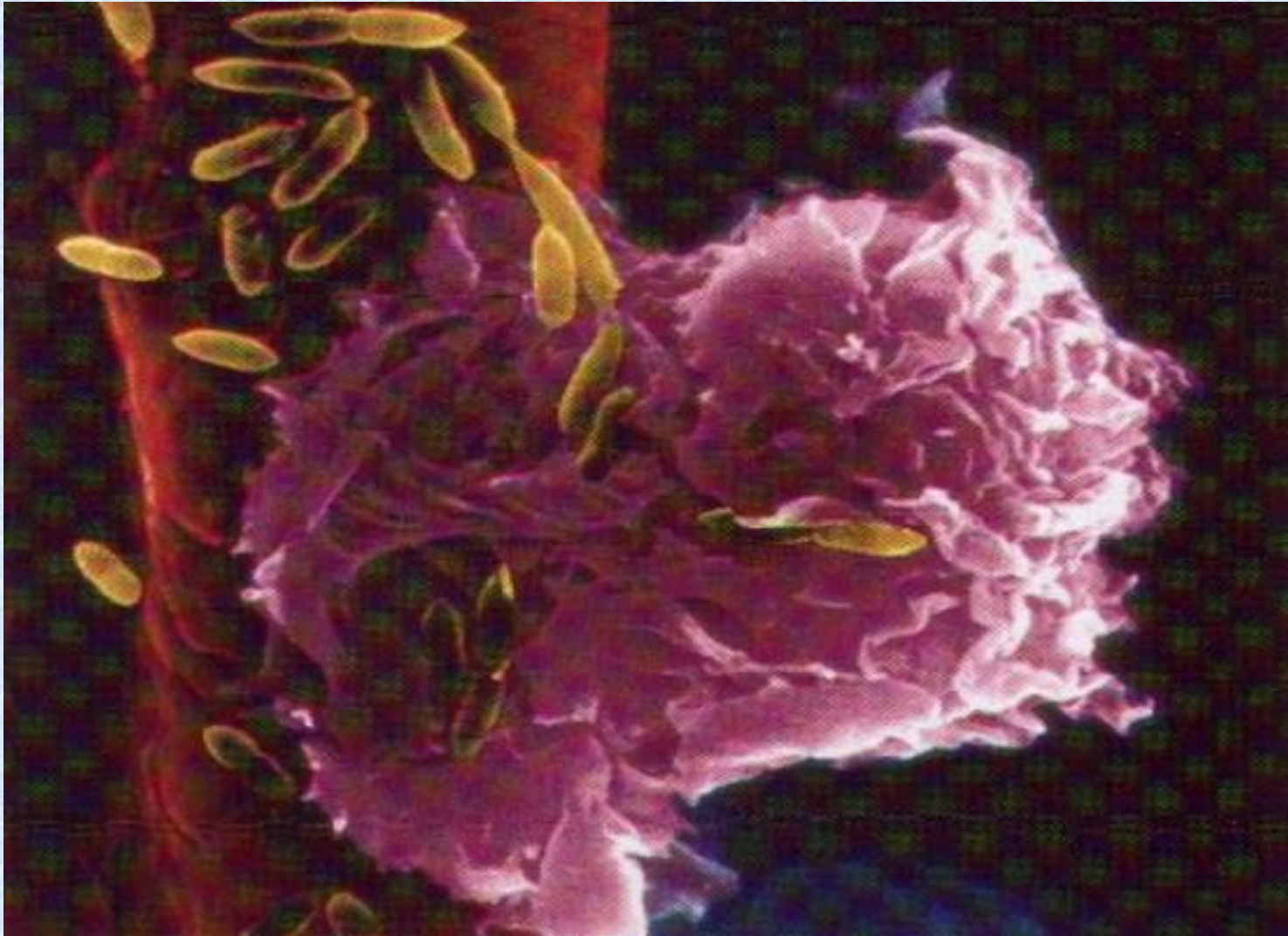
BẠCH CẦU



Tế bào bạch cầu

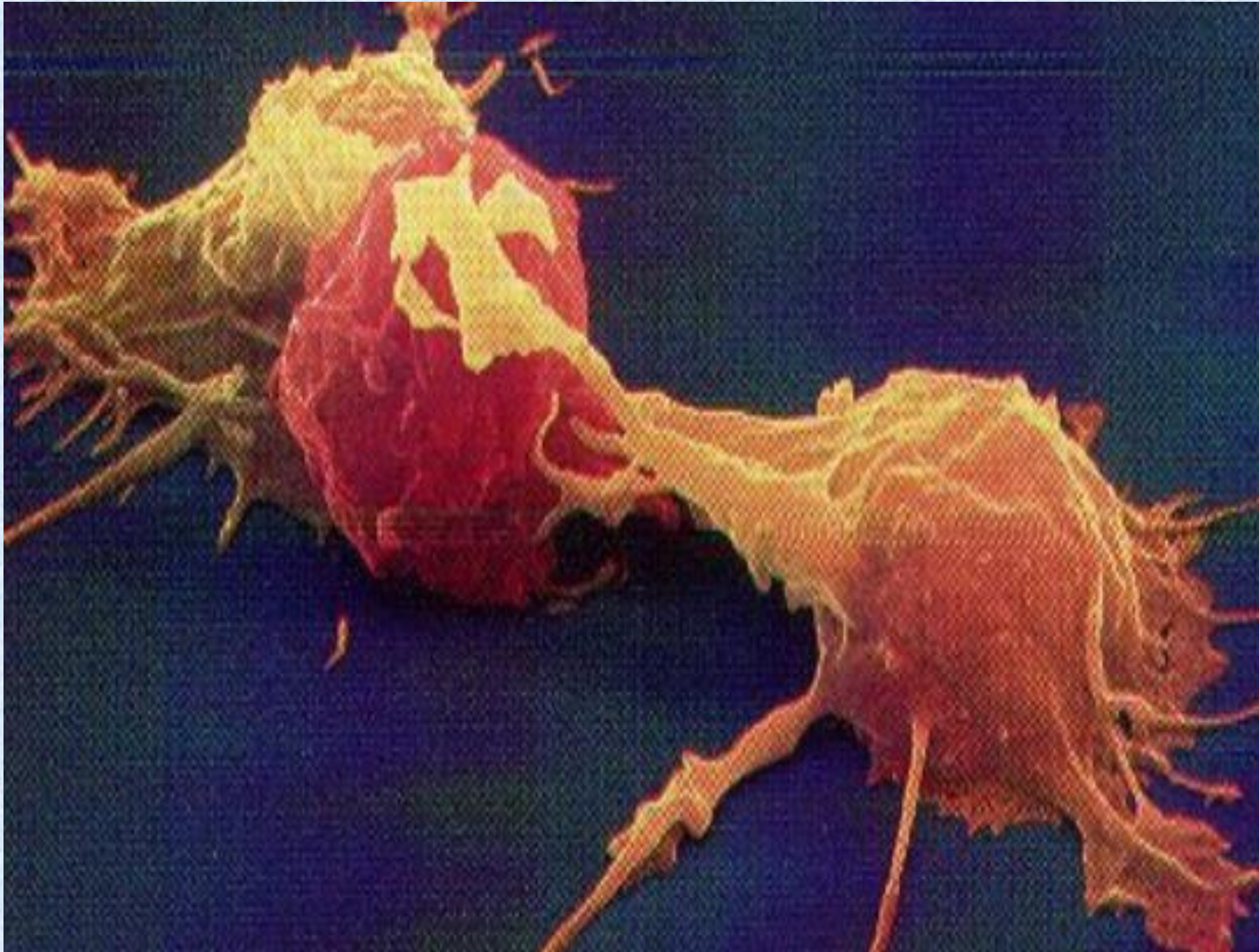


Tế bào lympho



NUỚC

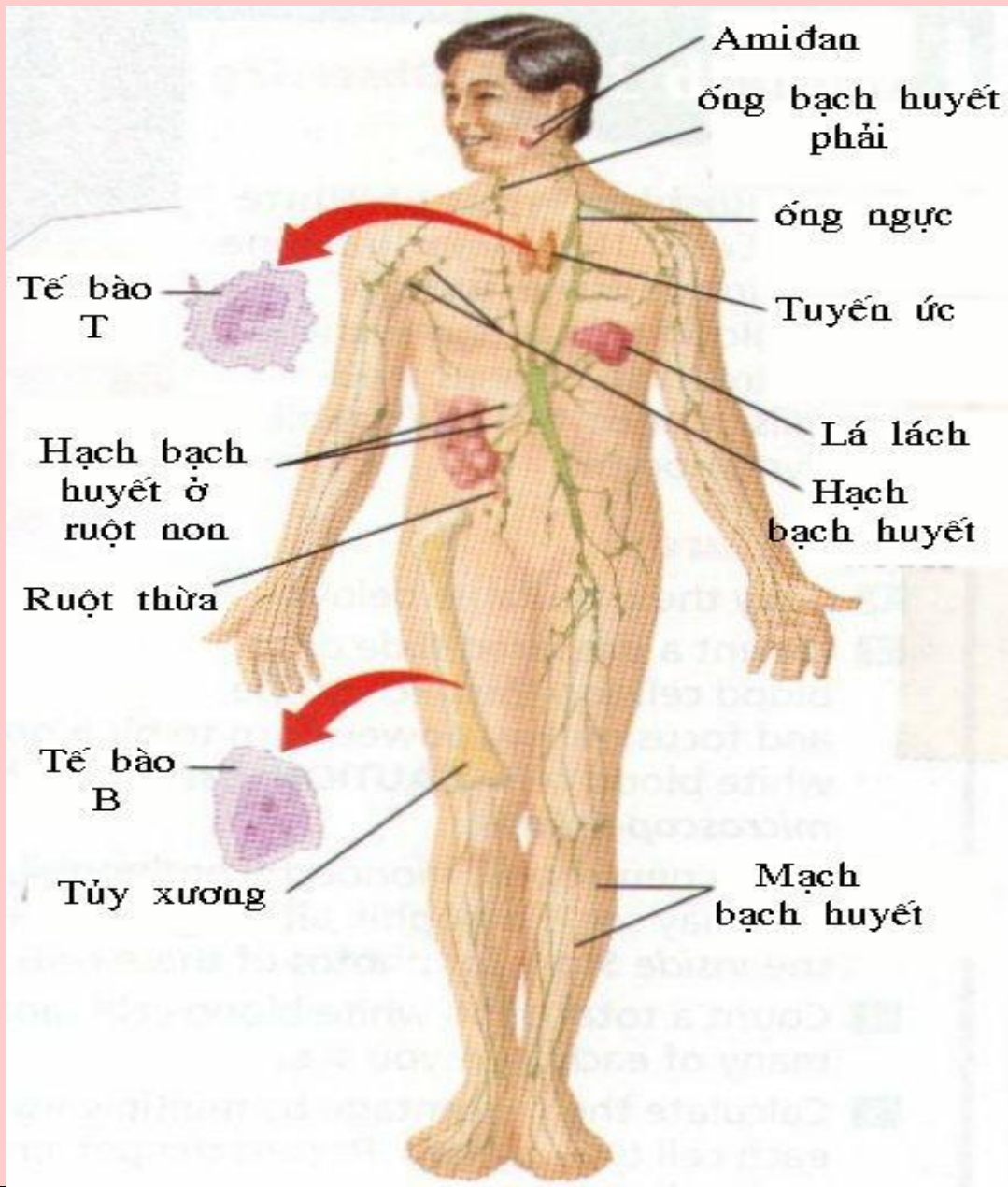
Tế bào lympho T



Đại thực bào



Các tế bào lympho B và lympho T



Tiết 14; Bài 14: BẠCH CẦU - MIỄN DỊCH

2

Câu hỏi kháng nguyên, kháng thể



Thế nào là kháng nguyên? Kháng thể?

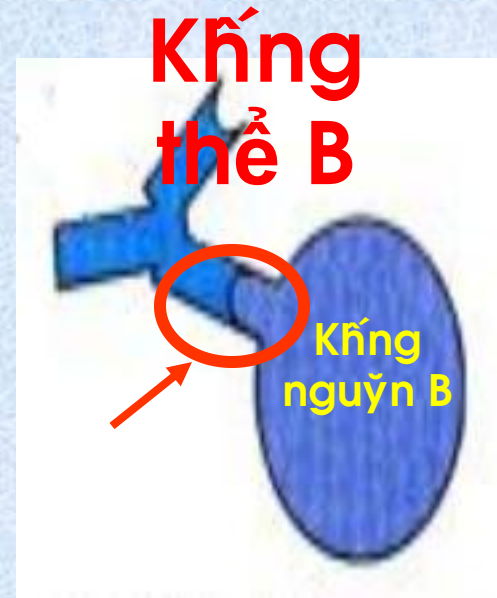
- Kháng nguyên là những phân tử ngoại lai có khả năng kích thích cơ thể tiết ra các kháng thể

Điểm khác biệt giữa kháng nguyên và kháng thể theo cơ chế

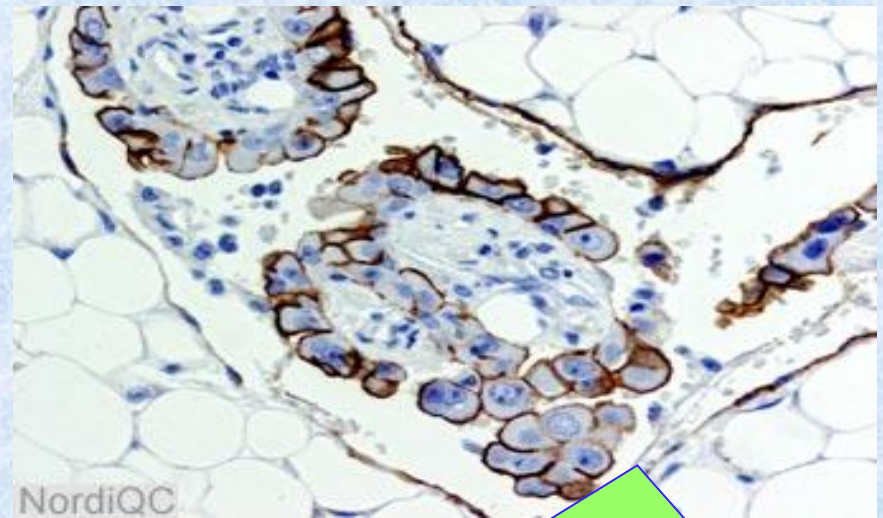
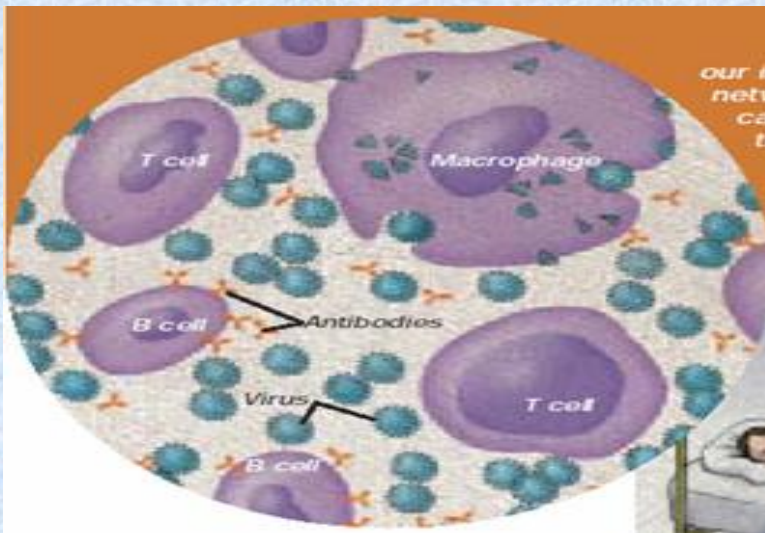
- Kháng thể là những phân tử protein đặc hiệu do cơ thể tiết ra để chống lại các kháng nguyên

Tương tác giữa kháng nguyên và kháng thể

theo cơ chế chìa khóa và ổ khóa.



Cơ chế ổ khóa chìa khóa

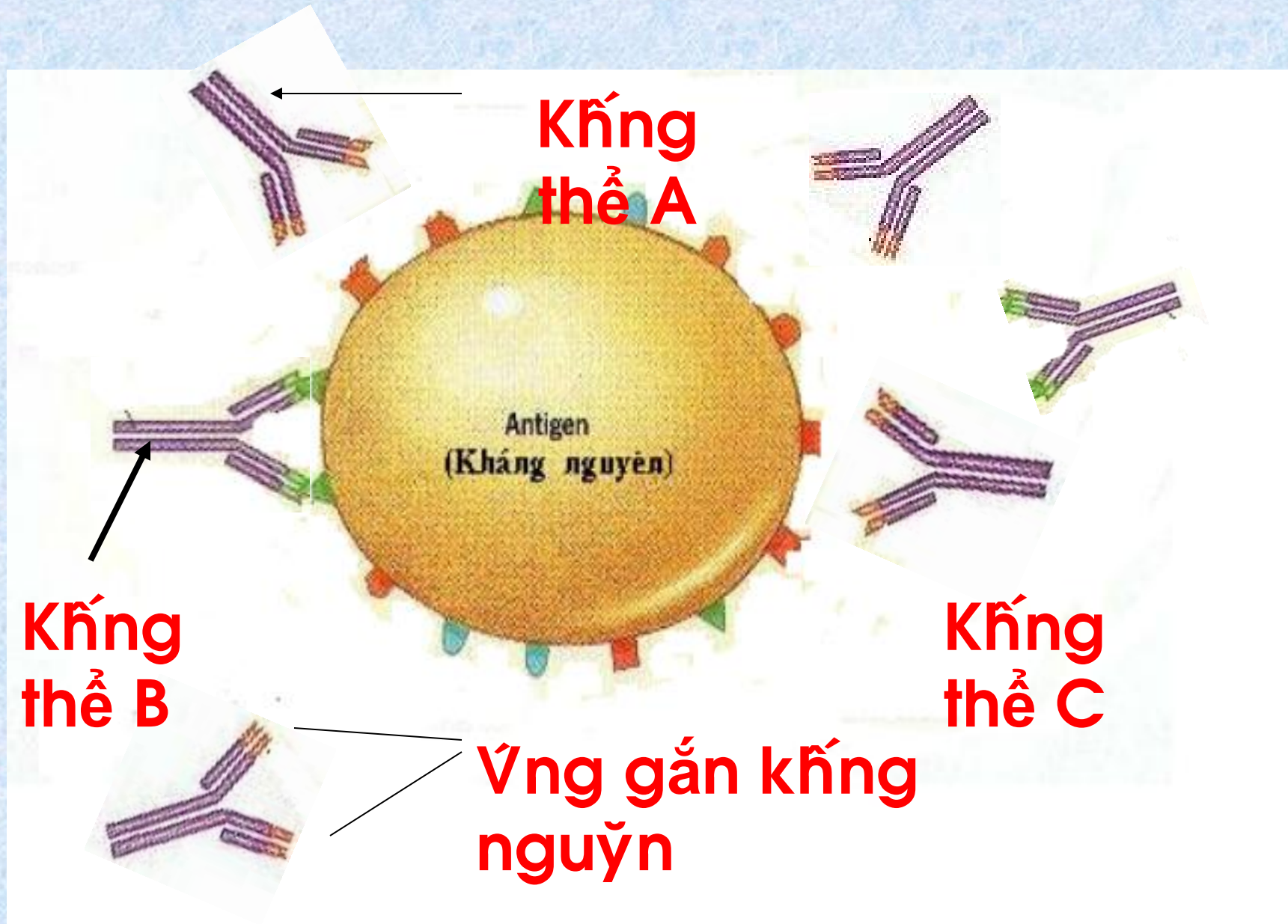


KHỨNG NGUYÊN

KHỨNG THỂ



Phản ứng giữa kháng nguyên và kháng thể



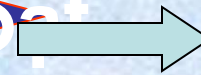
Tiết 14; Bài 14: BẠCH CẦU - MIỄN DỊCH

I. Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu :

3

Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu:

Khi vi khuẩn, vi rút xâm nhập
vào cơ thể sẽ gặp các hoạt
động chủ yếu của bạch cầu?



Sự thực bào

Hoạt động
của tế bào B

Hoạt động
của tế bào T

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA BẠCH CẦU



1 – Sự thực bào gì? Những loại bạch cầu nào tham gia thực hiện thực bào?



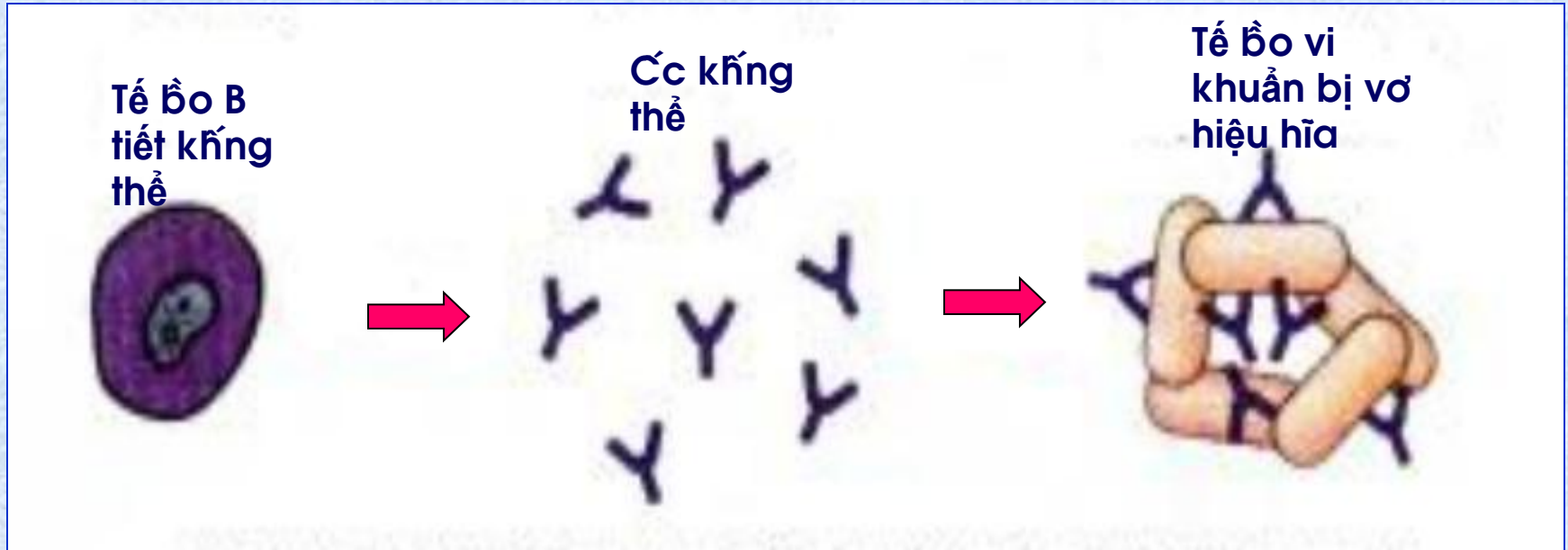
Sơ đồ hoạt động thực bào

Xem đoạn phim

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA BẠCH CẦU



2 – Tế bào B làm thế nào để chống lại kháng nguyên, với hiệu quả tế bào vi khuẩn?



Sơ đồ tiết kháng thể để vỡ hiệu quả các kháng nguyên

Tiết 14; Bài 14: BẠCH CẦU - MIỄN DỊCH

3

Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu:



Bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng cách:

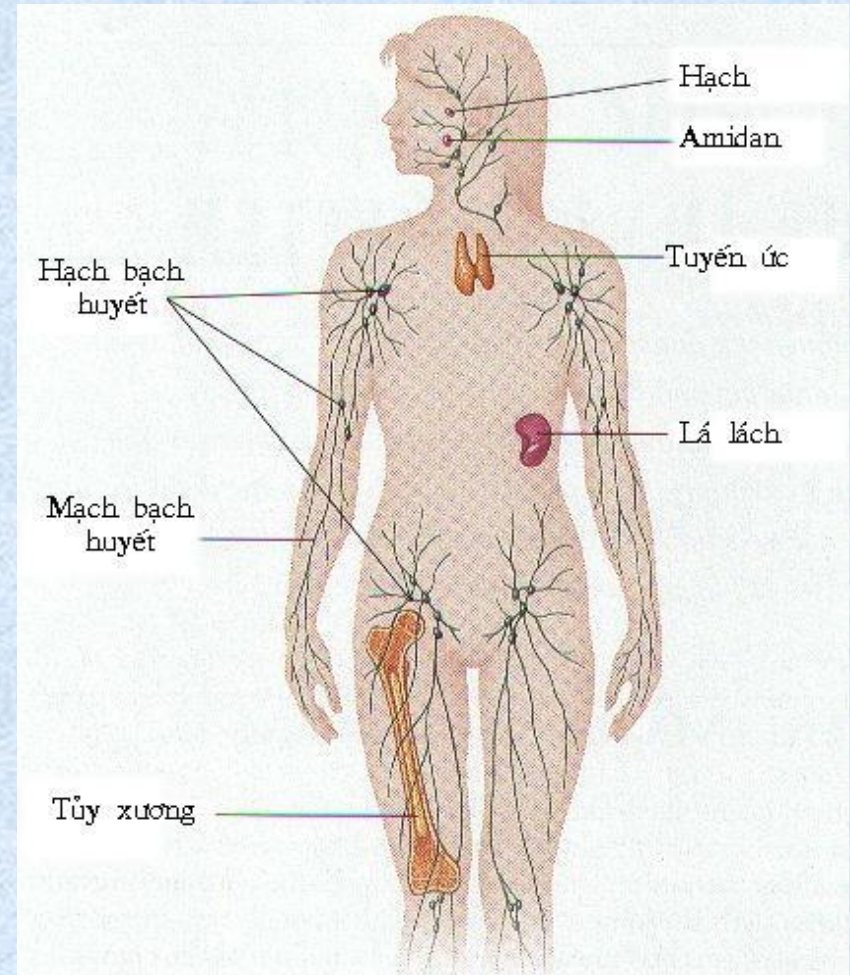
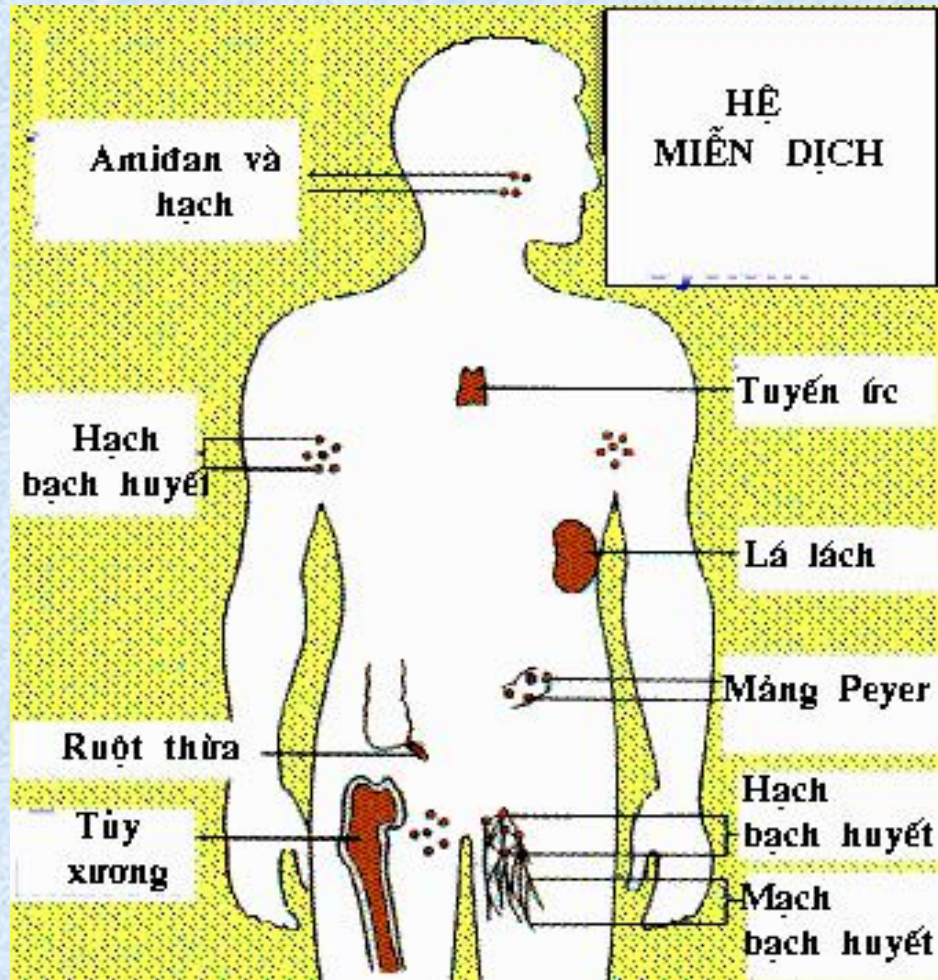
- **Thực bào:** Các bạch cầu (chủ yếu là bạch cầu trung tính và đại thực bào) hình thành chân giả bắt và nuốt vi khuẩn vào trong tế bào rồi tiêu hoá chúng.
- **Limphô B(tế bào B):** Tiết kháng thể gây kết dính kháng nguyên (**theo cơ chế ổ khóa-chìa khóa**) để vô hiệu hoá vi khuẩn.
- **Limphô T (tế bào T):** Phá hủy tế bào đã bị nhiễm vi khuẩn bằng cách nhận diện và tiếp xúc với chúng, rồi tiết prôtêin đặc hiệu làm tan tế bào nhiễm.

Các hồng cầu phình thủ m bạch cầu để tạo năn để b

Xem đoạn phim

Tiết 14; Bài 14: BẠCH CẦU - MIỄN DỊCH

II. Miễn dịch :



NỘI DUNG BÀI HỌC

I. Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu :

Bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng cách:

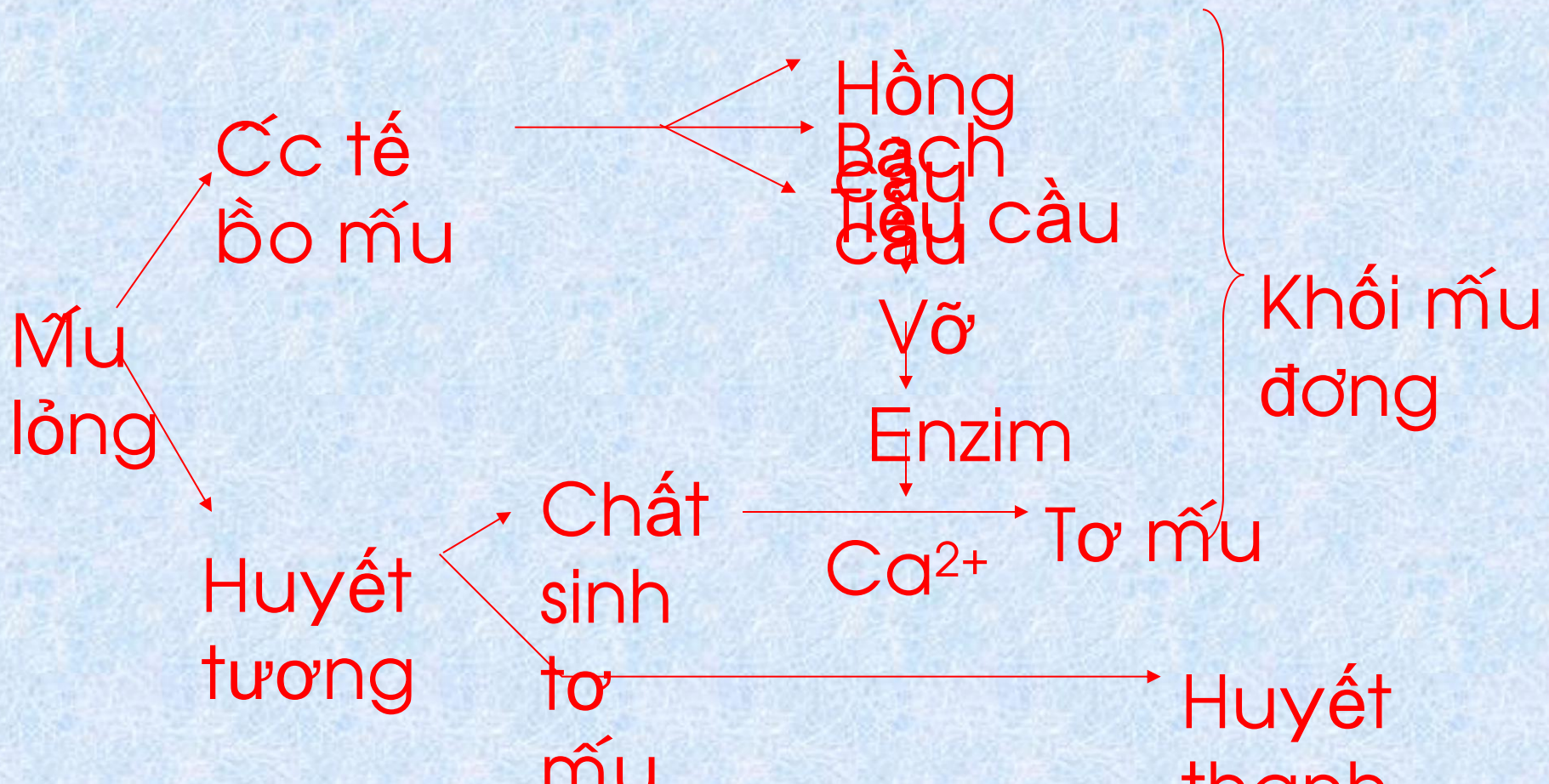
- -Thực bào: Các bạch cầu (bạch cầu trung tính và đại thực bào) hình thành chân giả bắt và nuốt vi khuẩn rồi tiêu hoá chúng.
- - Lymphô B(tế bào B): Tiết kháng thể kết dính kháng nguyên (theo cơ chế ổ khóa-chìa khóa) để vô hiệu hoá vi khuẩn.
- - Lymphô T (tế bào T): Phá hủy tế bào đã bị nhiễm vi khuẩn bằng cách nhận diện và tiếp xúc với chúng, rồi tiết prôtêin đặc hiệu làm tan tế bào nhiễm.

II. Miễn dịch :

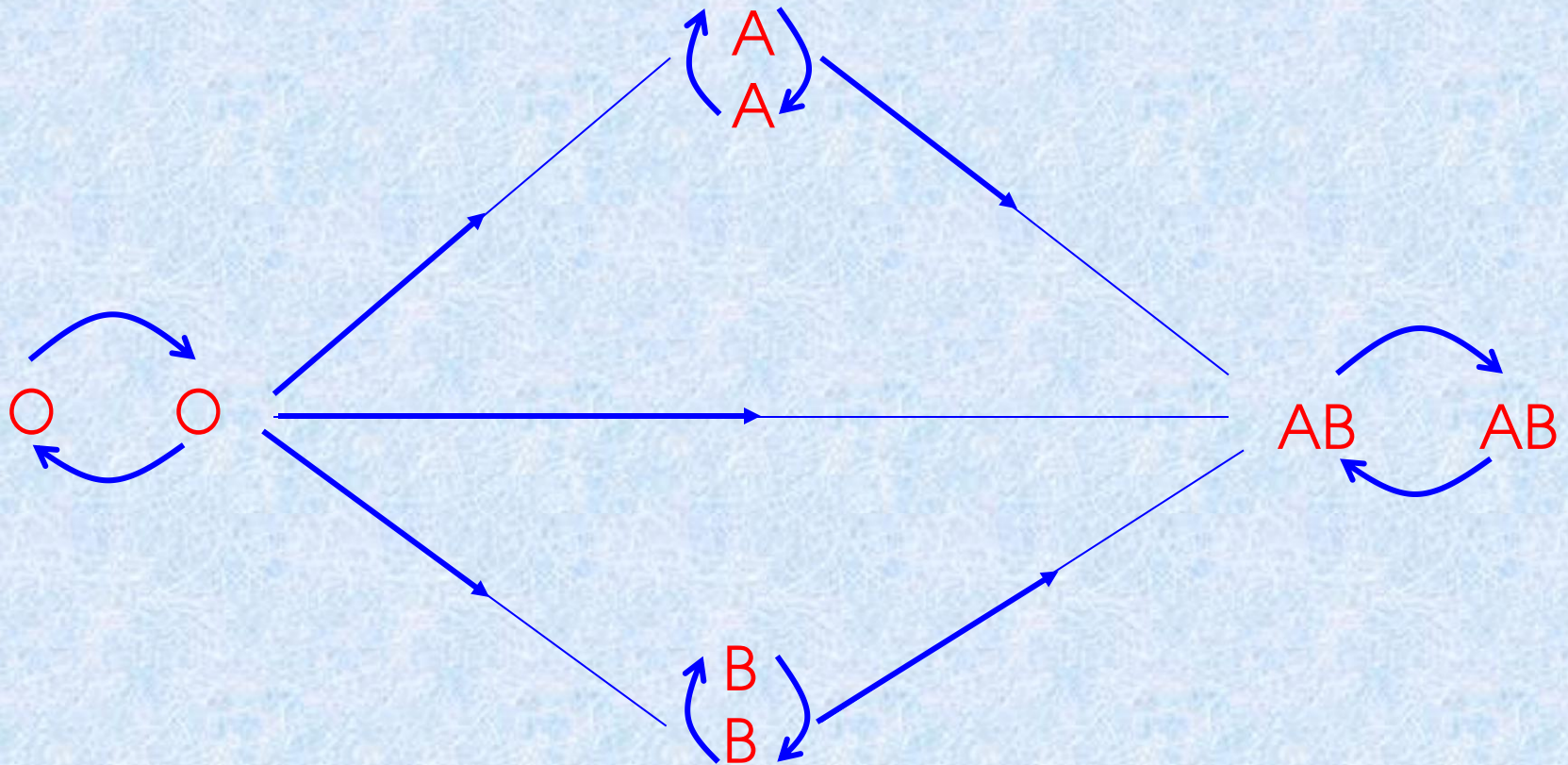
Miễn dịch là khả năng cơ thể không bị mắc một bệnh truyền nhiễm nào đã sống ở môi trường cũ vi khuẩn gây bệnh.

Miễn dịch cũ thể cũ được tự nhĩn hay nhĩn tạo.

- Đông máu: Là hiện tượng máu lỏng chảy ra khỏi mạch tạo thành cục máu đông bịt kín vết thương.
- nghĩa: Gấp cơ thể tự bảo vệ, chống mất máu khi bị thương.
- Cơ chế:



- Ở người có 4 nhóm máu : A, B, AB, O
- Sơ đồ mối quan hệ cho và nhận giữa các nhóm máu.



b. Các nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền máu

- Máu có cả kháng nguyên A và B có thể truyền cho người có nhóm O được không? Vì sao?
- Máu có cả kháng nguyên A và B không truyền cho người có nhóm máu O được vì sẽ bị kết dính hồng cầu.

Khi truyền máu cần tuân theo các nguyên tắc:

- - Lựa chọn nhóm máu cho phù hợp.
 - Kiểm tra mầm bệnh trước khi truyền máu.
- sao?
- Máu có nhiễm các tác nhân gây bệnh (virus viêm gan B, virus HIV...) có thể truyền cho người khác được không? Vì sao?
- Máu có nhiễm các tác nhân gây bệnh (virus viêm gan B, virus HIV...) không được đem truyền cho người khác vì sẽ gây nhiễm các bệnh này cho người được truyền máu

IV. TUẦN HOÀN MÁU VÀ LƯU THÔNG BẠCH HUYẾT

1. Tuần hoàn máu

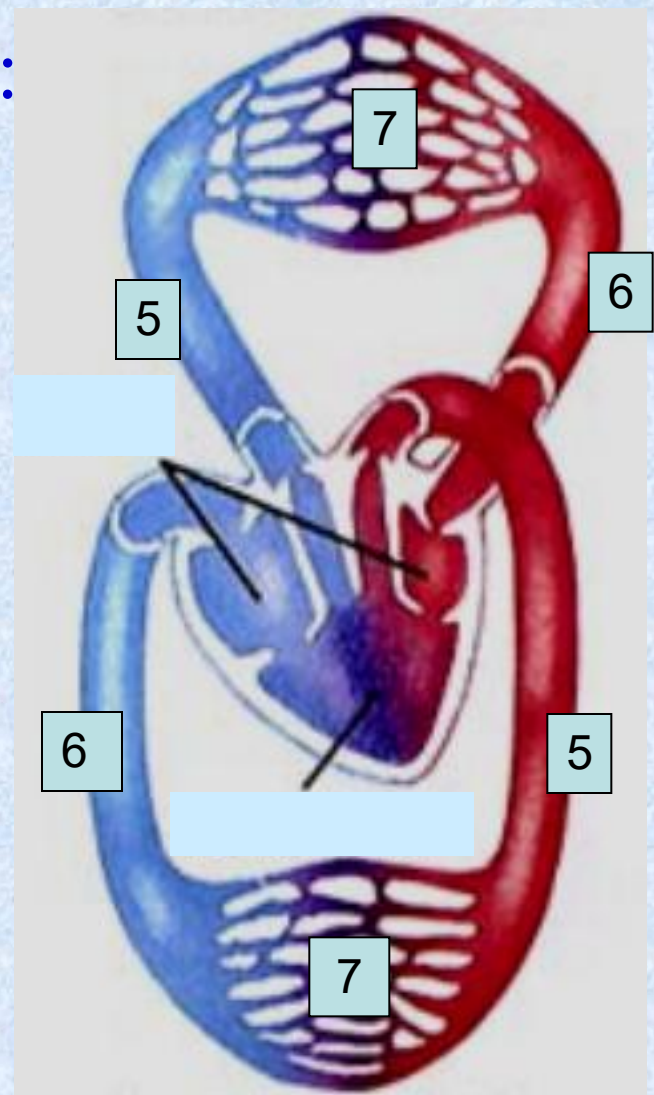
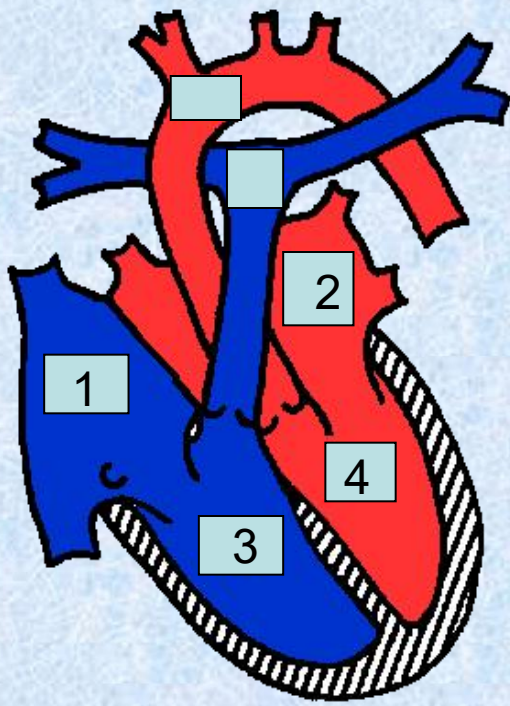
Quan sát hình sau, em hãy cho biết:
Hệ tuần hoàn máu gồm có các thành phần nào?

- **Tim:**

- 1- Tâm nhĩ phải
- 2- Tâm nhĩ trái
- 3- Tâm thất phải
- 4- Tâm thất trái

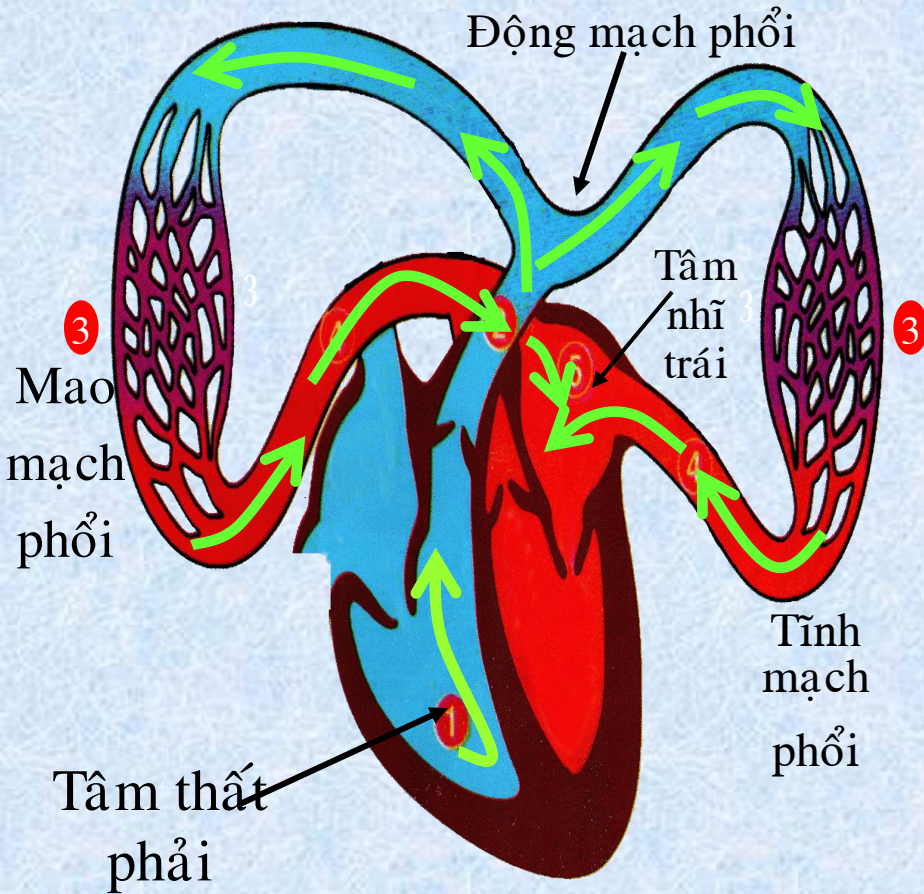
- **Hệ mạch:**

- 5- Động mạch
- 6- Tĩnh mạch
- 7- Mao mạch



IV. Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết

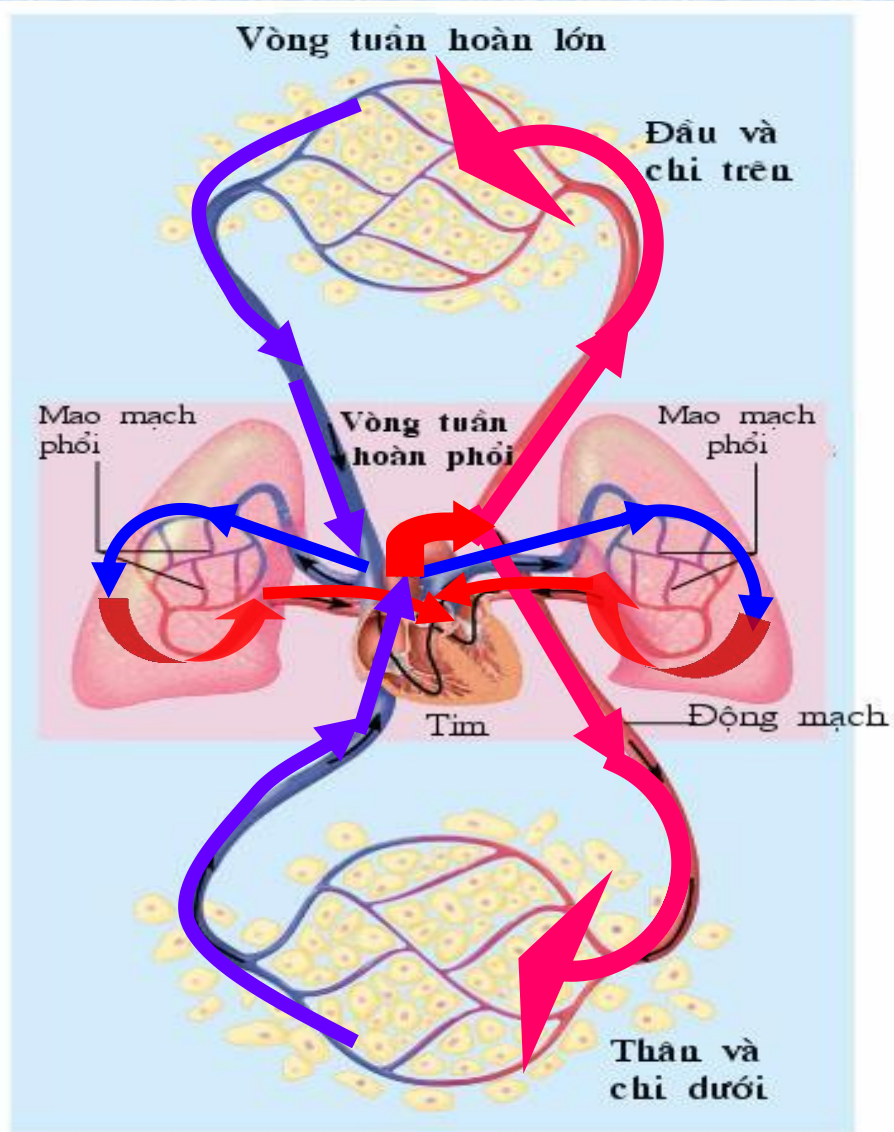
1. Tuần hoàn máu



ĐẶC ĐIỂM SO SÁNH	VÒNG TUẦN HOÀN NHỎ	VÒNG TUẦN HOÀN LỚN
Đường đi của máu	Từ TTP theo ĐMP đến 2 lá phổi ,theo TMP về TNT	
Vai trò		
Độ dài vòng vận chuyển của máu		

IV. Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết

1. Tuần hoàn máu



Copyright © 2003 Pearson Education, Inc., publishing as Benjamin Cummings.

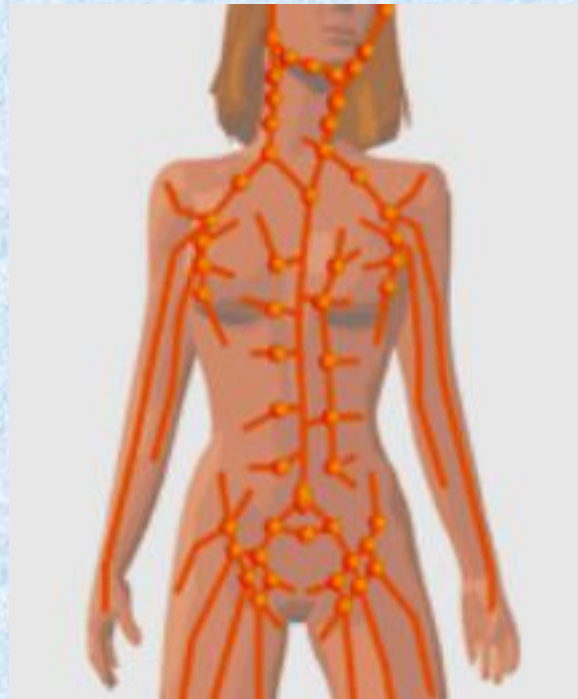
ĐẶC ĐIỂM SO SÁNH	VÒNG TUẦN HOÀN NHỎ	VÒNG TUẦN HOÀN LỚN
Đường đi của máu	Từ TTP theo ĐMP đến 2 lá phổi, theo TMP về TNT	Từ TTP theo ĐMC đến các tế bào rồi theo TMC trên và TMC dưới rồi về TNP
Vai trò	Thải CO ₂ và khí độc trong cơ thể ra môi trường ngoài	Cung cấp O ₂ và chất dinh dưỡng cho các hoạt động sống của tế bào
Độ dài vòng vận chuyển của máu	Ngắn hơn vòng tuần hoàn lớn	Dài hơn vòng tuần hoàn nhỏ

IV. Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết

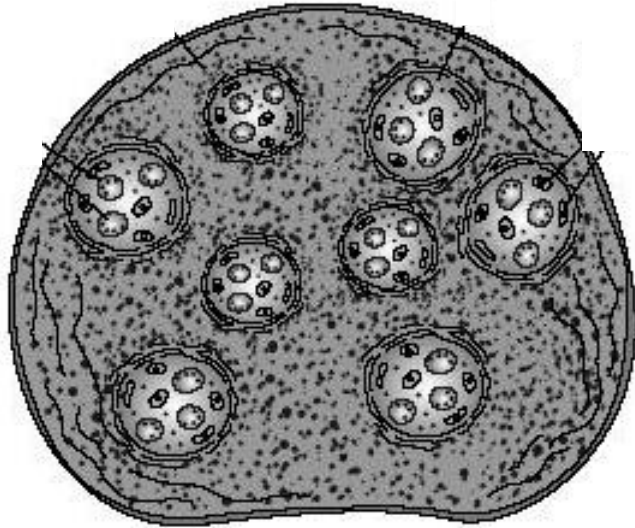
2. Lưu thông bạch huyết

***. Cấu tạo của hệ bạch huyết**

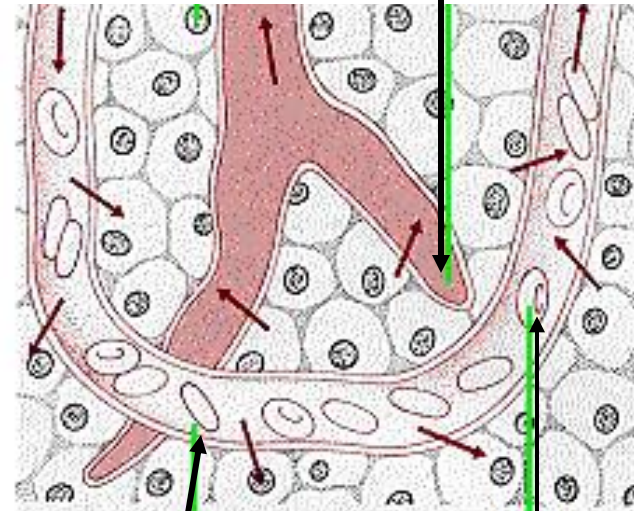
- Hệ bạch huyết gồm những thành phần nào?
 - Hệ bạch huyết gồm:
 - + Mao mạch bạch huyết
 - + Mạch bạch huyết, tĩnh mạch máu
 - + Hạch bạch huyết
 - + Ống bạch huyết tạo thành 2 phân hệ: phân hệ lớn, phân hệ nhỏ.



Hạch và mao mạch bạch huyết



Hạch bạch huyết

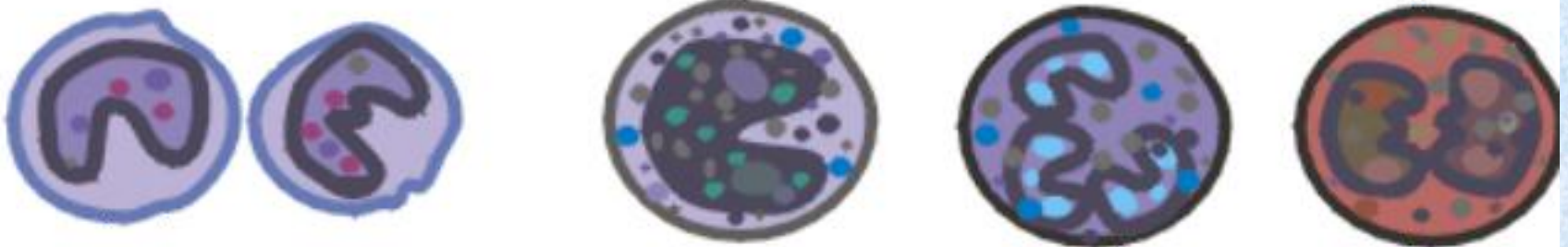


Mao mạch máu

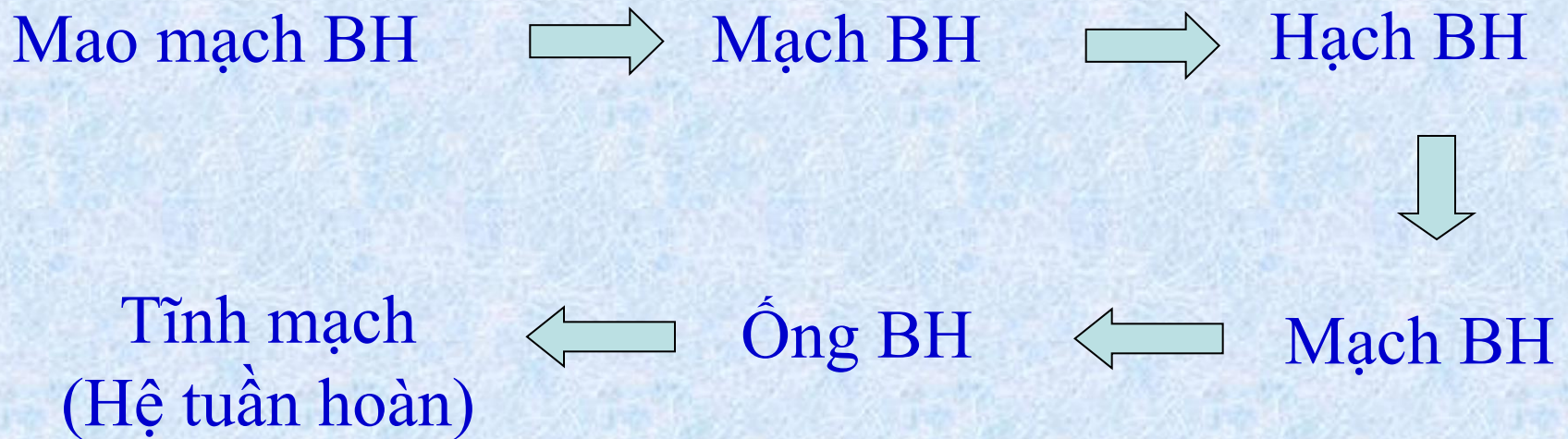
Tế bào hồng cầu

Thành phần bạch huyết

- Chủ yếu là các tế bào bạch cầu (lympho)



*. Đường đi của bạch huyết



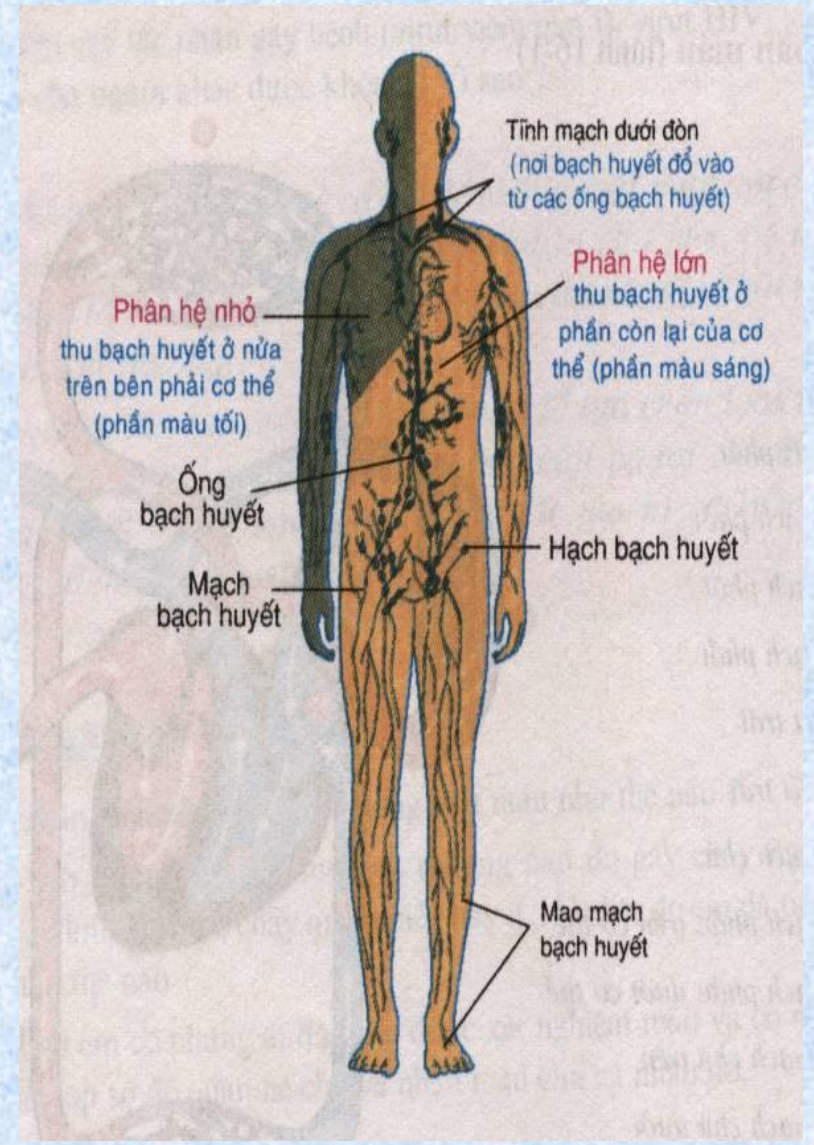
- Em hãy mô tả đường đi của bạch huyết trong cơ thể.

IV. Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết

2. Lưu thông bạch huyết

HOẠT ĐỘNG NHÓM

	HỆ BẠCH HUYẾT	
	PHÂN HỆ LỚN	PHÂN HỆ NHỎ
GIỐNG NHAU	Sự luân chuyển bạch huyết: Mao mạch bạch huyết → mạch bạch huyết nhỏ → hạch bạch huyết → mạch bạch huyết lớn → ống bạch huyết → tĩnh mạch máu	
ĐIỂM KHÁC NHAU	Vai trò: Thu bạch huyết ở nửa trên bên phải của cơ thể	Vai trò: Thu bạch huyết ở nửa trên bên trái và nửa dưới của cơ thể



IV. Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết

2. Lưu thông bạch huyết

Vậy: Hệ bạch huyết và hệ tuần hoàn có vai trò gì?

Hệ bạch huyết cùng với hệ tuần hoàn máu thực hiện chu trình luân chuyển môi trường trong của cơ thể và tham gia bảo vệ cơ thể.

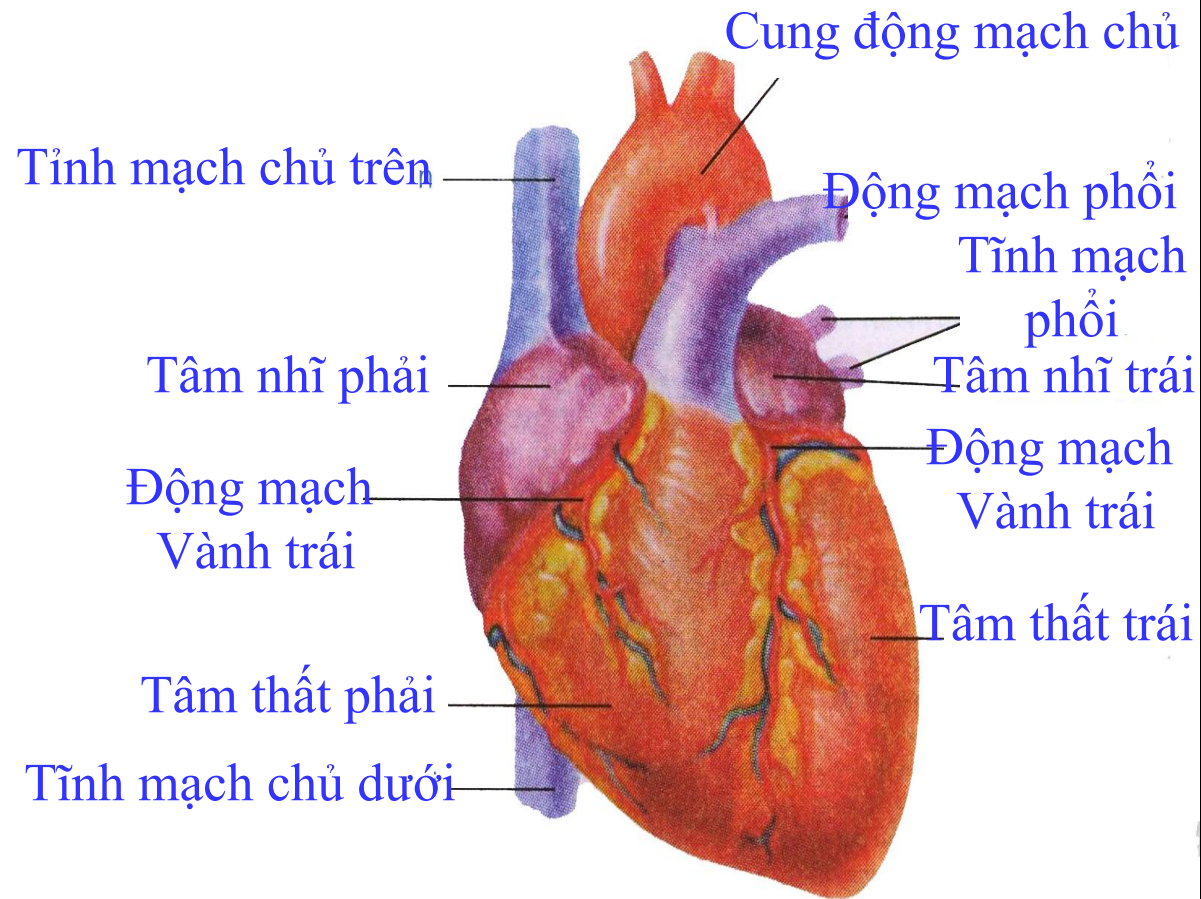
TIM VÀ MẠCH MÁU

I, Cấu tạo tim

1, Cấu tạo ngoài:

😊 Hãy mô tả cấu tạo ngoài của tim ?

😊 Hãy xác định vị trí của tim trong cơ thể người ?



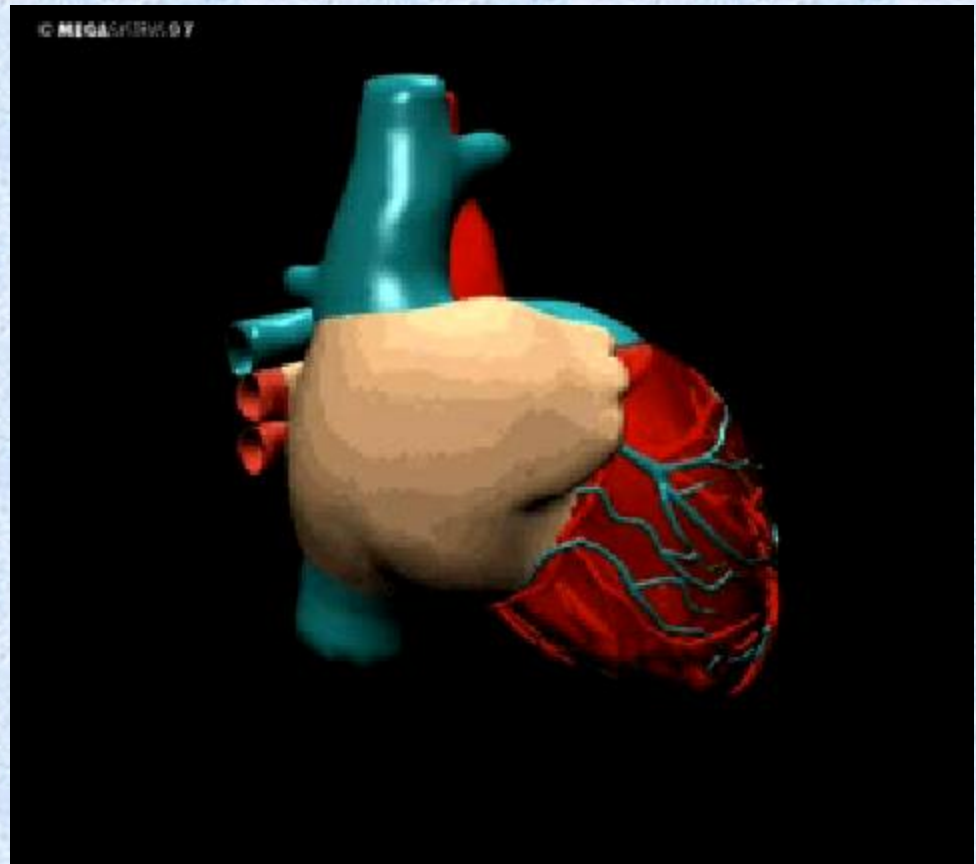
Hình 17-1. Hình dạng mặt ngoài, phía trước của tim

TIM VÀ MẠCH MÁU

I/ Cấu tạo tim

1/ Cấu tạo ngoài:

- ✍ Tim nằm giữa 2 lá phổi
- ✍ Màng tim bao bọc bên ngoài
- ✍ Đáy ở trên đỉnh ở dưới



TIM VÀ MẠCH MÁU

I/ Cấu tạo tim:

1/ Cấu tạo ngoài:

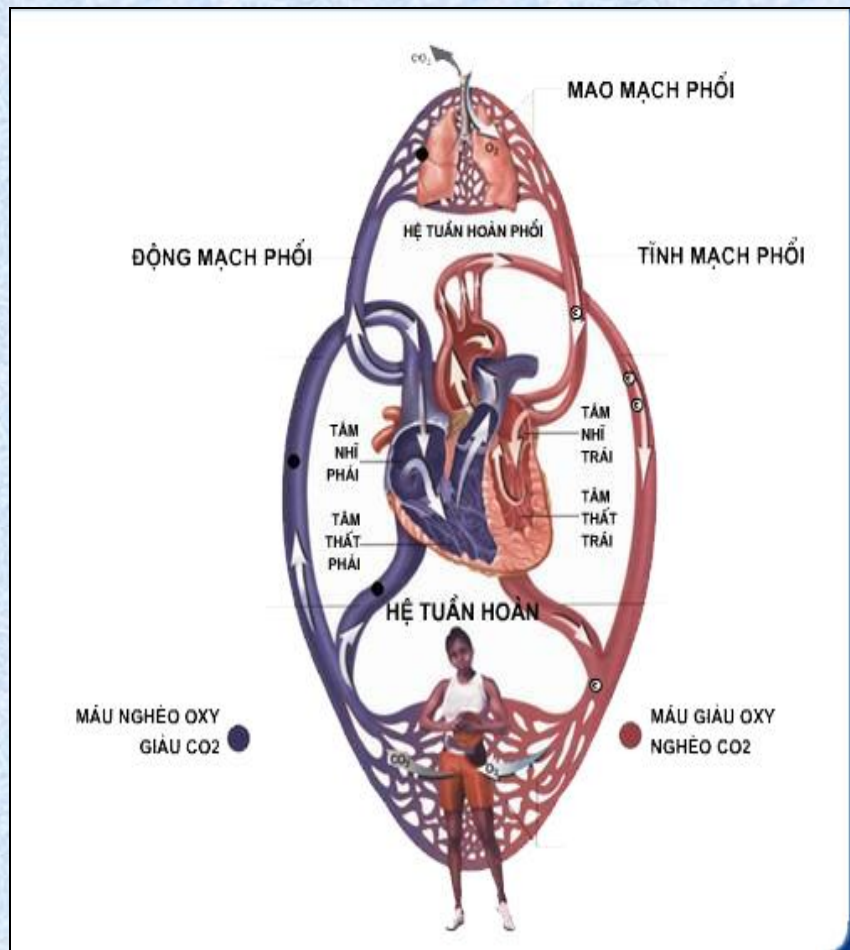
2/ Cấu tạo trong

Các ngăn tim co	Nơi máu được bơm tới
Tâm nhĩ trái co	Tâm thất trái
Tâm nhĩ phải co	Tâm thất phải
Tâm thất trái co	Vòng tuần hoàn lớn
Tâm thất phải co	Vòng tuần hoàn nhỏ



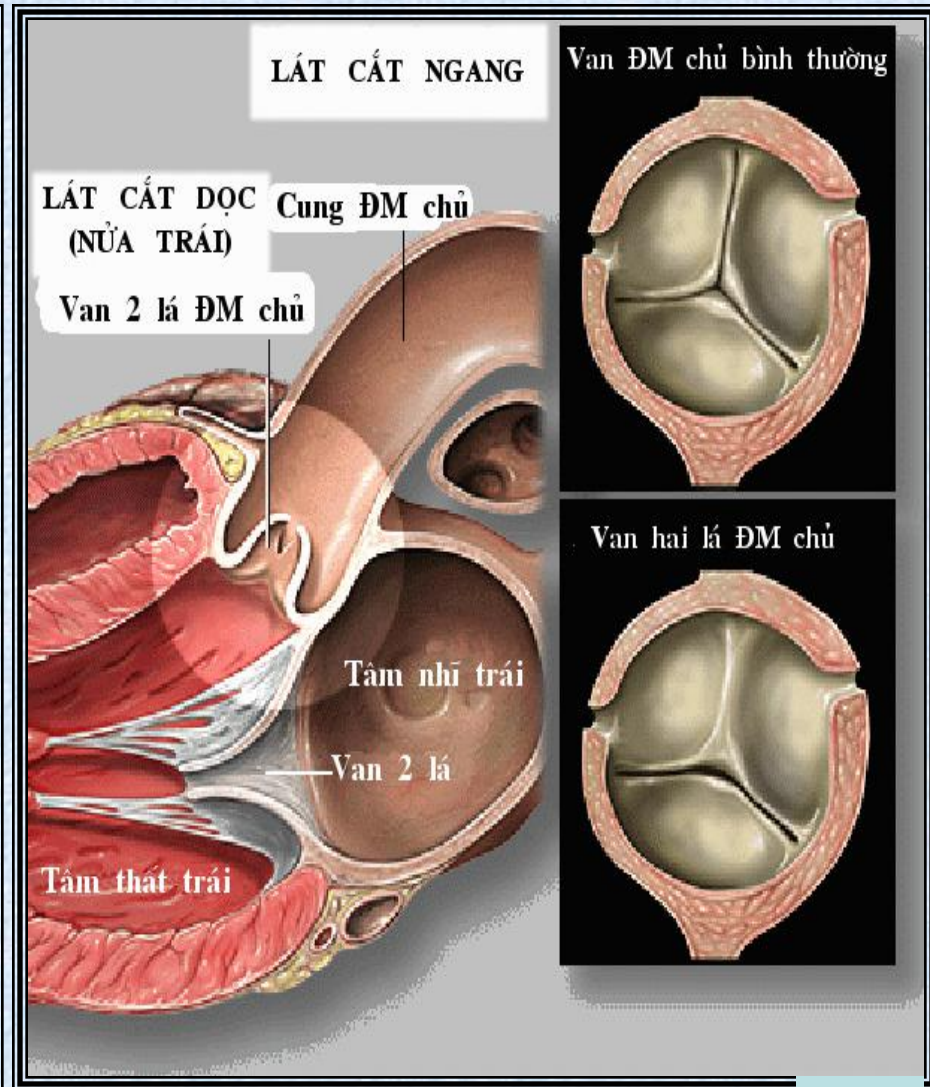
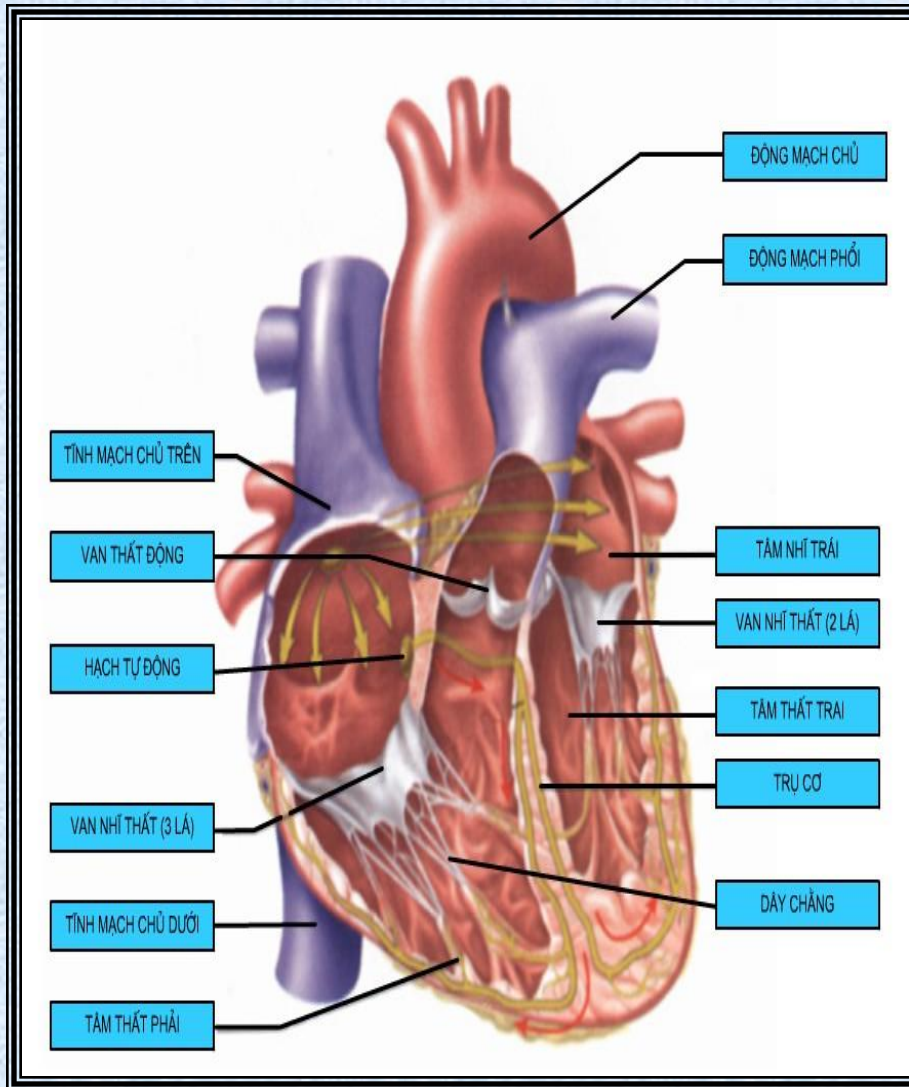
Hãy quan sát bảng và hình vẽ về chiều dài đường đi của máu, dự đoán:

- 😊 Ngăn tim nào có thành cơ tim dày nhất, thành cơ tim mỏng nhất ?
- 😊 Giữa tim với các mạch máu có cấu tạo như thế nào để máu chỉ được bơm theo 1 chiều ?



Các ngăn tim co	Nơi máu được bơm tới
Tâm nhĩ trái co	Tâm thất trái
Tâm nhĩ phải co	Tâm thất phải
Tâm thất trái co	Vòng tuần hoàn lớn
Tâm thất phải co	Vòng tuần hoàn nhỏ

Các em xem các h×nh sau và nhận xét kết quả dự đoán của m×nh



☺ Thành tâm thất trái dày nhất có ý nghĩa g× đối với cơ thể ?

TIM VÀ MẠCH MÁU

I/ Cấu tạo tim

1/ Cấu tạo ngoài:

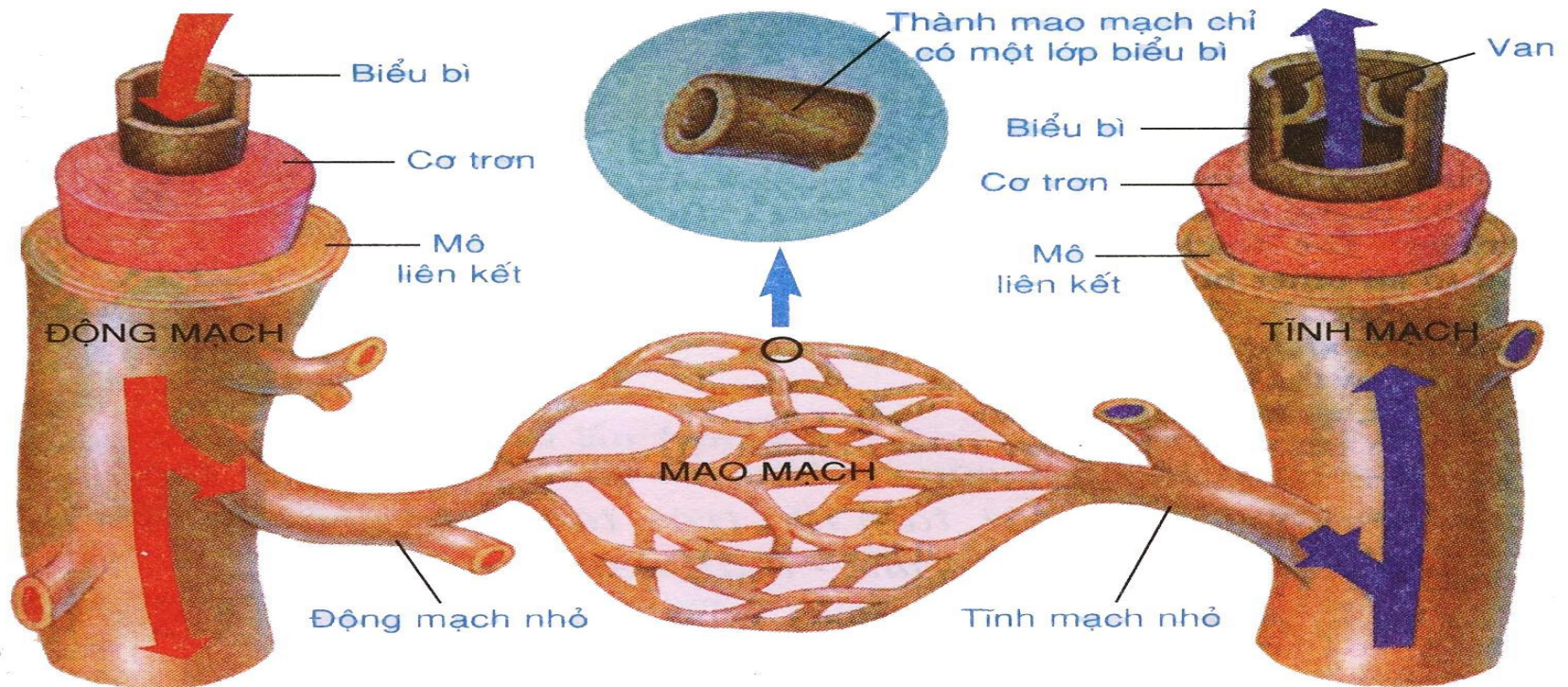
-  Tim nằm giữa 2 lá phổi
-  Màng tim bao bọc bên ngoài
-  Đáy ở trên đỉnh ở dưới

2/ Cấu tạo trong:

-  Tim được cấu tạo bởi cơ tim và mô liên kết.
-  Gồm 4 ngăn: Tâm nhĩ phải và tâm nhĩ trái ở trên
Tâm thất phải và tâm thất trái ở dưới
-  Thành TTT là thành dày nhất.
-  Các van tim: Van nhĩ- thất
Van thất- động

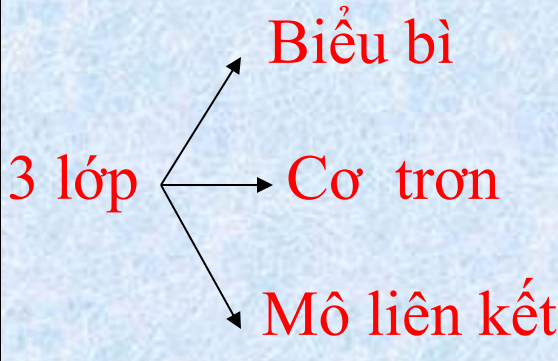
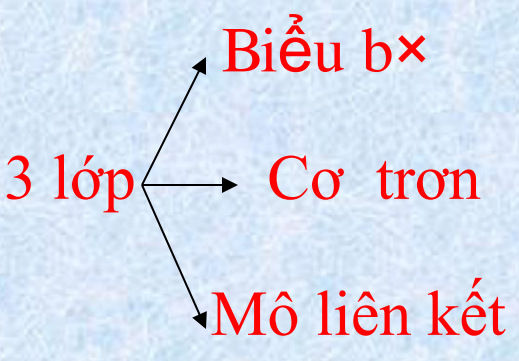
TIM VÀ MẠCH MÁU

II/ Cấu tạo mạch máu:



Hình 17-2. Sơ đồ cấu tạo các mạch máu

☺ Có bao nhiêu loại mạch máu ? Đó là những loại nào ?

Đặc điểm	Động mạch	Tĩnh mạch	Mao mạch
1. Cấu tạo - Thành mạch - Lòng mạch - Đặc điểm khác	3 lớp  Biểu bì Cơ trơn Mô liên kết Dày Hẹp	3 lớp  Biểu bì Cơ trơn Mô liên kết Mỏng Rộng Có van 1 chiều	1 lớp biểu bì mỏng Hẹp nhất Nhỏ, phân nhánh nhiều
2. Chức năng	Dẫn máu từ tim tới các cơ quan, vận tốc và áp lực lớn.	Dẫn máu từ khắp các tế bào về tim, vận tốc và áp lực nhỏ.	Trao đổi chất với tế bào.

TIM VÀ MẠCH MÁU

I/ Cấu tạo tim

1/ Cấu tạo ngoài:

2/Cấu tạo trong:

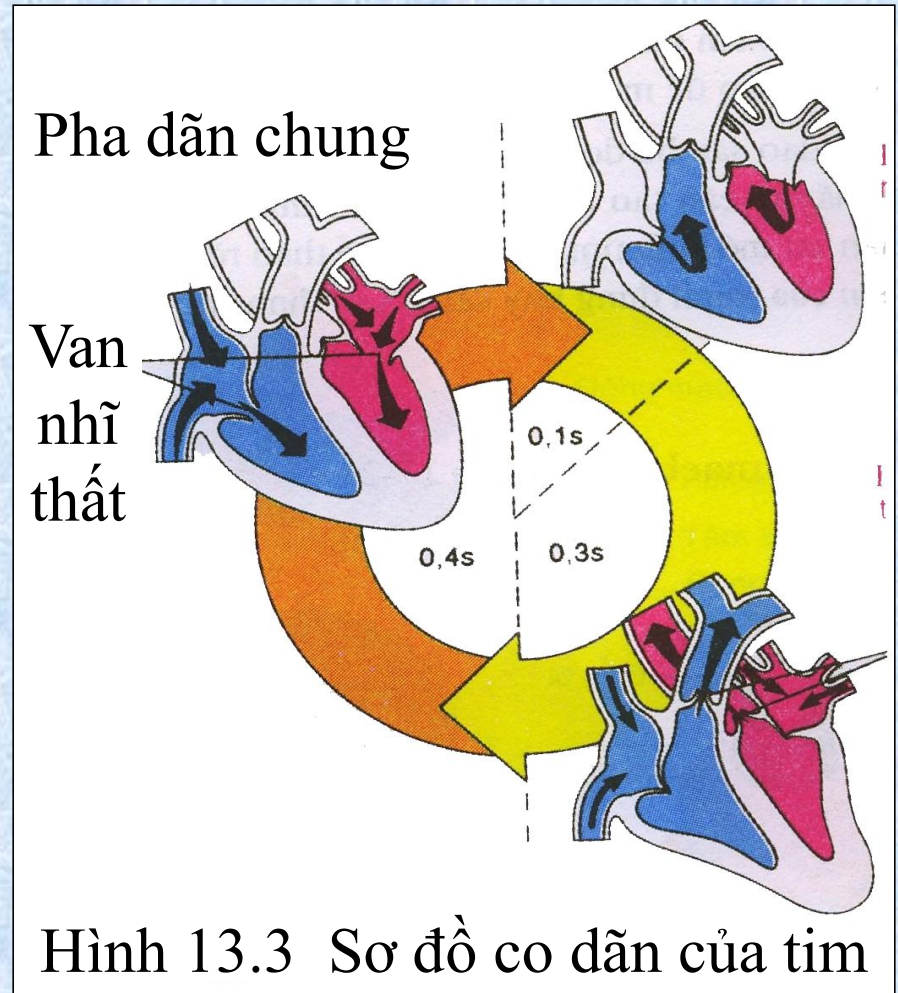
II/ Cấu tạo mạch máu:

-  Động mạch: Thành gồm 3 lớp dày
-  Tĩnh mạch: Thành gồm 3 lớp mỏng
-  Mao mạch: Thành gồm lớp mỏng

TIM VÀ MẠCH MÁU

III/ Chu kì co dẫn của tim:

Thời gian Thành phần tim	Tổng thời gian (Giây)	Thời gian làm việc (Giây)	Thời gian nghỉ (Giây)
Tâm nhĩ	0,8	0,1	0,7
Tâm thất	0,8	0,3	0,5
Mỗi chu kì tim	0,8	0,4	0,4



😊 Tại sao tim hoạt động suốt đời mà không biết mệt ?

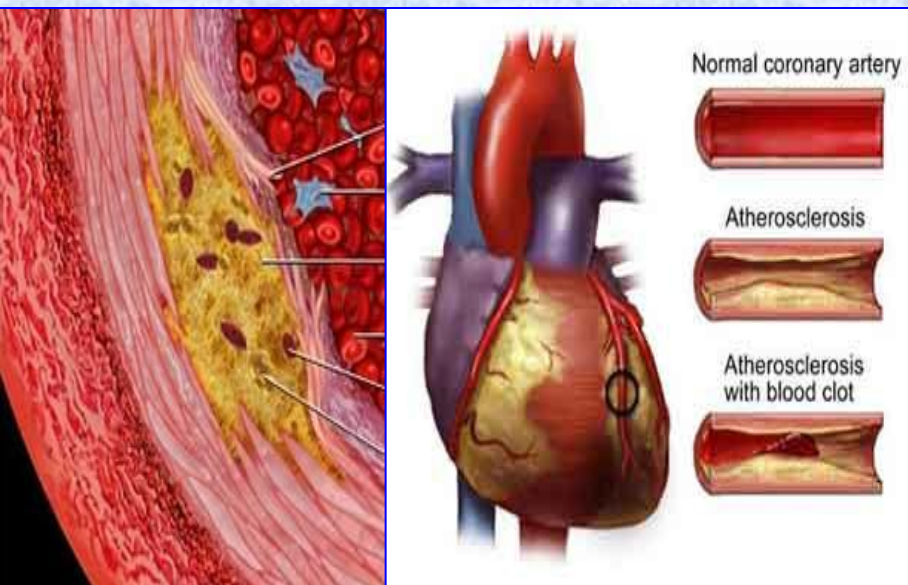


I. Sự vận chuyển máu qua hệ mạch:

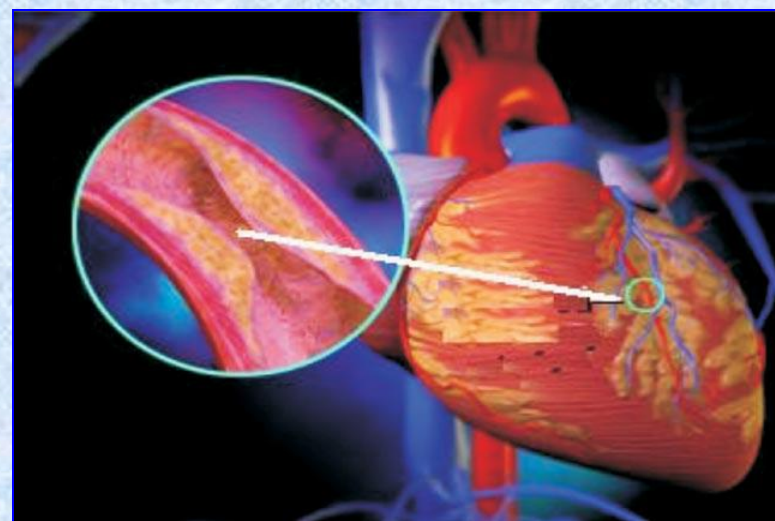
- Huyết áp: Là áp lực của máu lên thành mạch (huyết áp tối đa khi tâm thất co và huyết áp tối thiểu khi tâm thất giãn).
- **Ở động mạch chủ: 120mmHg.**
 - **Ở động mạch: 80mmHg.**
 - **Ở mao mạch: 30mmHg.**
 - **Ở tĩnh mạch: 15mmHg.**
- **Huyết áp là trị số biểu thị sức khỏe Vì huyết áp tối đa hoặc huyết áp tối thiểu là biểu thị sức khỏe không bình thường.**



- **Máu vận chuyển qua hệ mạch nhờ sức đẩy của tim, áp lực trong mạch và vận tốc máu.**
- **Ở động mạch: vận tốc máu lớn $0,5\text{m/s}$ nhờ sự co giãn của thành mạch.**
- **Ở tĩnh mạch: máu vận chuyển nhờ: co bóp của các cơ bắp quanh thành mạch, sức hút của lồng ngực khi hít vào, sức hút của tâm nhĩ khi giãn ra và còn sự hỗ trợ của van 1 chiều.**
- **Ở mao mạch: máu vận chuyển rất chậm ($0,001\text{m/s}$).**



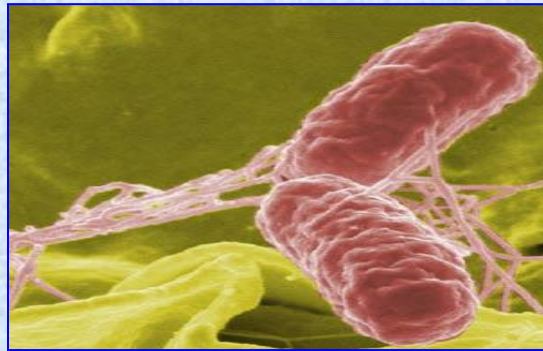
**Xơ vữa
động mạch**



**Xơ vữa động
mạch vành tim**



Mỡ động vật



VK thương
hại



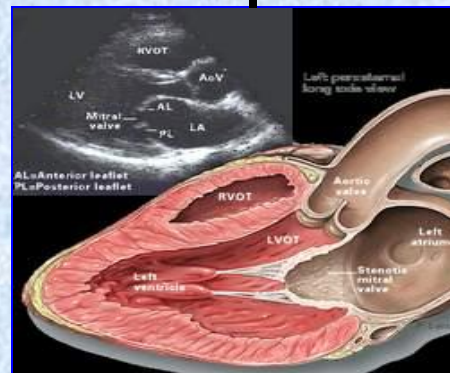
Vi rút cúm



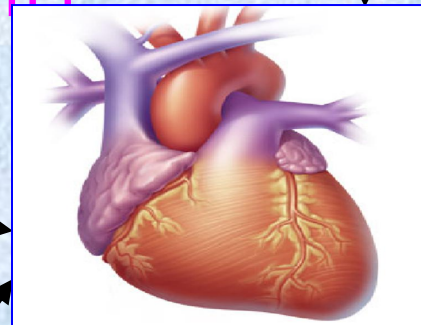
Hơrôin



Thuốc ỉ



Hở van tim



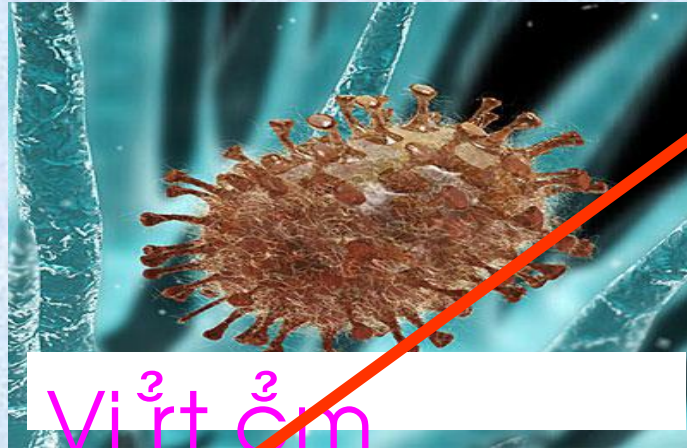
Stress, giận dữ



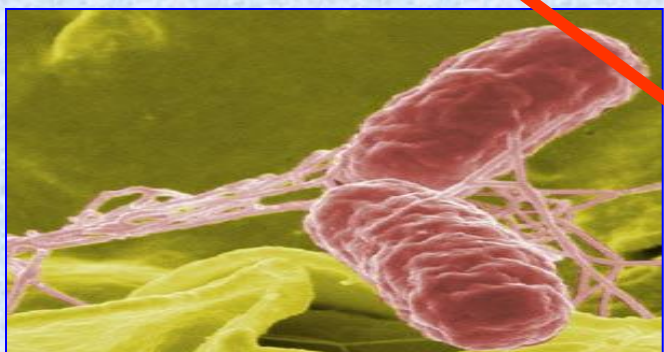
Rượu



Stress, giận dữ



Vi ỉrt ỏm



VK thương ỉn



Hờin



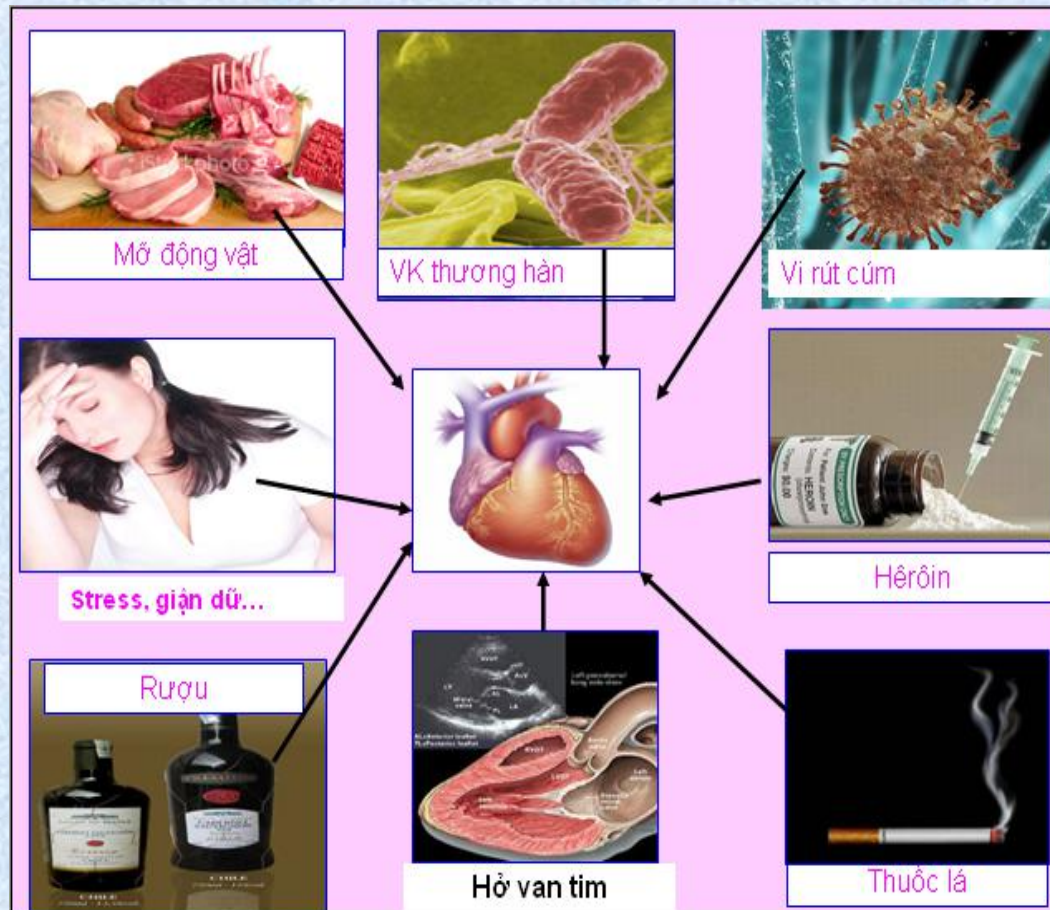
Rượu



Thuốc ỉ

II./ Vệ sinh tim mạch

→ Quan sát hình và cho biết các tác nhân nào có hại cho hệ tim mạch?



- Khuyết tật tim, bị cú sốc mạnh, sử dụng nhiều các chất kích thích → tăng nhịp tim.

- Một số virus, vi khuẩn tiết độc tố → gây hại tim.

- Món ăn chứa nhiều mỡ động vật → hại hệ mạch.

-Do luyện tập TĐTT quá sức, tức giận → tăng huyết áp.



Em hãy kể 1 số biểu hiện của người bị tim mạch?

Nhồi máu cơ tim, mỡ cao trong máu, huyết áp cao, nhồi máu não, ho ra máu, đau ngực, ...hội hợp khó thở.



II – Vệ sinh tim mạch:

1. Các biện pháp bảo vệ tim mạch tránh các tác nhân có hại:

- Khắc phục và hạn chế các nguyên nhân làm tăng nhịp tim và huyết áp không mong muốn
- Tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch
- Hạn chế ăn các thức ăn có hại cho tim mạch

Nêu các biện pháp bảo vệ cơ thể tránh các tác nhân có hại cho tim mạch?

2. Rèn luyện hệ tim mạch:

Các chỉ số	Trạng thái	Người bình thường	Vận động viên
Nhịp tim (lần/phút)	. Lúc nghỉ ngơi	75	40-60
	. Lúc hoạt động gắng sức	150	180-240
Lượng máu được bơm của một ngăn tim (ml/lần)	. Lúc nghỉ ngơi	60	75-115
	. Lúc hoạt động gắng sức	90	180-210

Có nhận xét gì về số nhịp tim và lượng máu bơm của vận động viên so với người bình thường lúc nghỉ ngơi và lúc hoạt động gắng sức?

Nhận xét: Ở các vận động viên luyện tập lâu năm thường có chỉ số nhịp tim/phút nhỏ hơn người bình thường. Tim của họ đập chậm hơn, ít hơn mà vẫn cung cấp đủ nhu cầu ô xi cho cơ thể là vì mỗi lần đập tim bơm đi được nhiều máu hơn, hay nói cách khác là hiệu suất làm việc của tim cao hơn.

→ Quan sát hình và cho biết có những biện pháp nào để rèn luyện tim mạch?



Xoa bóp



Tập



Lao động



Tập TDTT



Những biện pháp nào để rèn luyện tim mạch



Xoa bóp



Tập dưỡng sinh



Lao động vừa sức



Tập TDDT



2. Rèn luyện hệ tim mạch:

Cần rèn luyện hệ tim mạch thường xuyên, đều đặn, vừa sức bằng các hình thức tập TDDT, xoa bóp.

Tiết 20: THỰC HÀNH :SƠ CỨU CẦM MÁU

III: NỘI DUNG VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

1.Tìm hiểu về các dạng chảy máu.

Các dạng chảy máu	Biểu hiện
1. Chảy máu mao mạch	Máu chảy ít, chậm
2. Chảy máu tĩnh mạch	Máu chảy nhiều hơn, nhanh hơn
3. Chảy máu động mạch	Máu chảy nhiều, nhanh, có thể thành tia

Tiết 20: THỰC HÀNH :SƠ CỨU CẦM MÁU

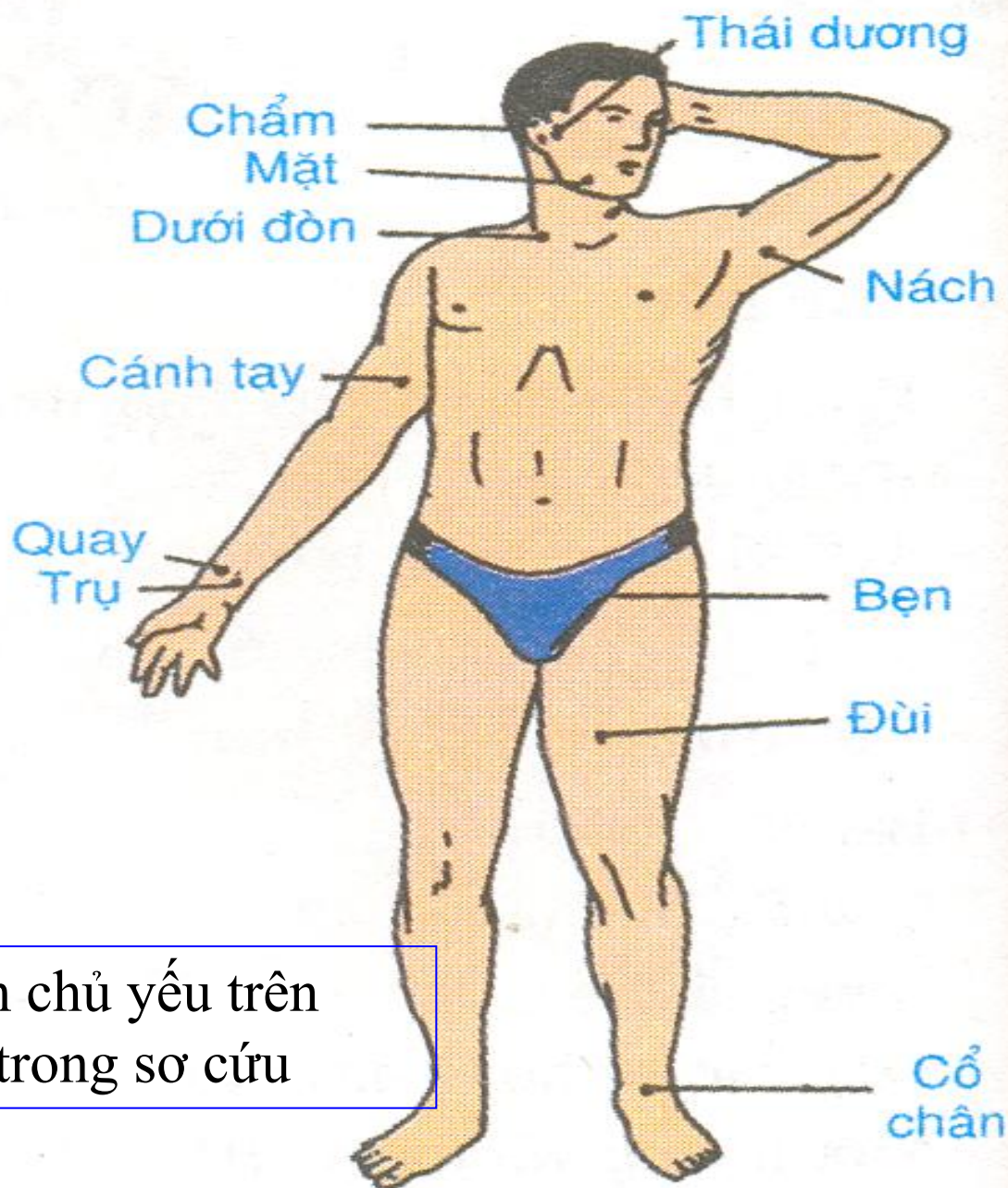
III: NỘI DUNG VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

1.Tìm hiểu về các dạng chảy máu.

2.Tập sơ cứu băng bó

a/ Vết thương ở lòng bàn tay(chảy máu mao mạch và tĩnh mạch)

- Bước 1: Dùng ngón tay cái bịt chặt miệng vết thương trong vài phút (cho tới khi thấy máu không chảy ra nữa)
- Bước 2: Sát trùng vết thương bằng cồn iôt.
- Bước 3:
 - + Khi vết thương nhỏ có thể dùng băng dán.
 - + Khi vết thương lớn cho miếng bông vào giữa hai miếng gạc rồi đặt nó vào miệng vết thương và dùng băng buộc chặt lại.



H19-1. Các vị trí động mạch chủ yếu trên cơ thể người thường dùng trong sơ cứu

Tiết 20: THỰC HÀNH :SƠ CỨU CẦM MÁU

b/ Vết thương ở cổ tay chảy máu động mạch)

- **Bước 1:** Dùng tay bóp mạnh vào động mạch cánh tay trong vài phút
- **Bước 2:** Buộc garô (dùng dây cao su hay dây vải mềm buộc chặt ở vị trí gần sát nhưng cao hơn vết thương)
- **Bước 3:** Sát trùng vết thương, đặt gạc và bông lên miệng vết thương rồi băng lại
- **Bước 4:** Đưa ngay đến bệnh viện cấp cứu.

IV .THU HOẠCH

2.Kĩ năng **ĐIỀN THÔNG TIN VÀO BẢNG SAU:**

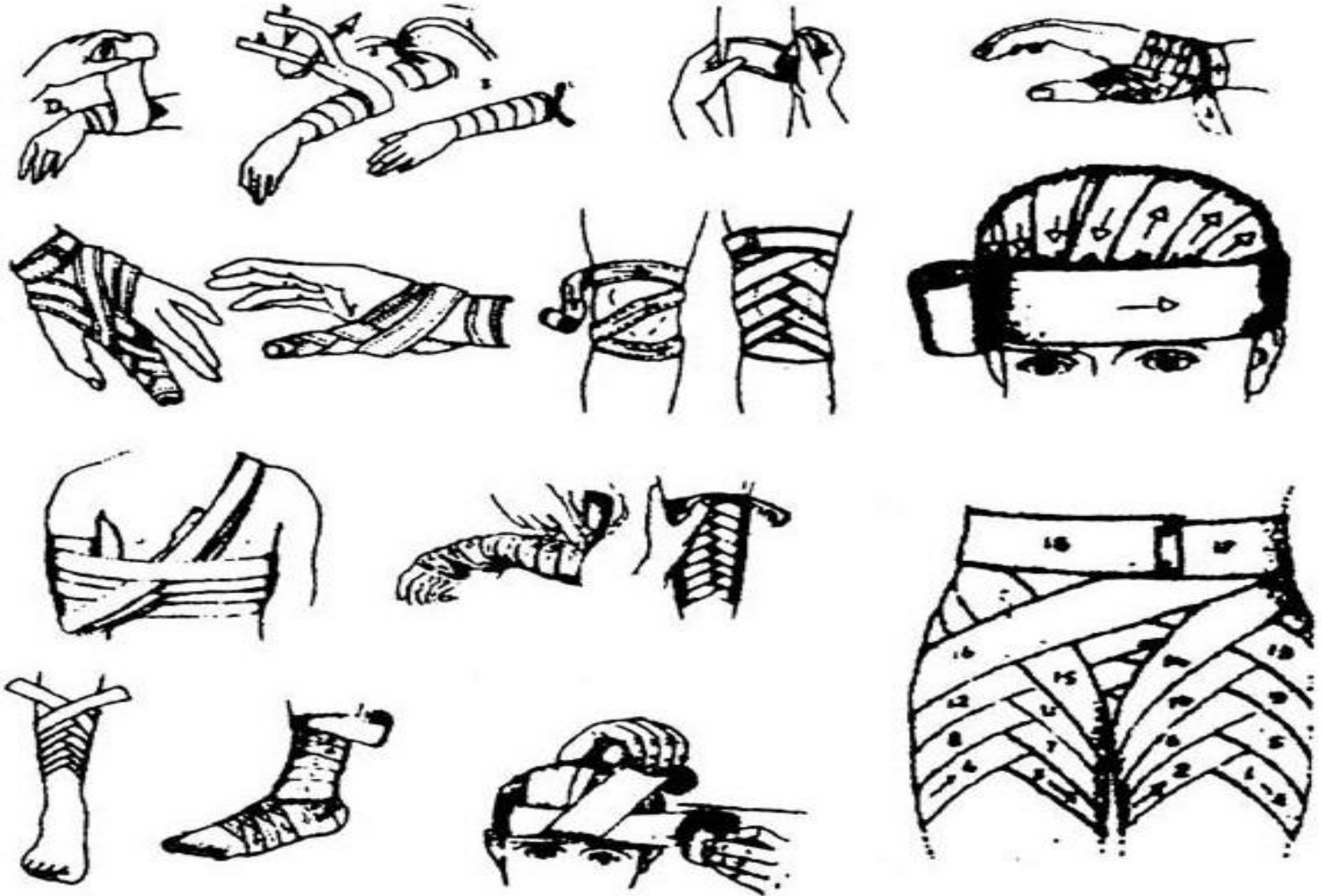
Các kỹ năng học được	Các thao tác
1. Sơ cứu vết thương ở lòng bàn tay(chảy máu mao mạch và tĩnh mạch)	-Dùng ngón cái bịt chặt miệng vết thương trong vài phút -Sát trùng vết thương -Băng vết thương
2. Sơ cứu vết thương ở cổ chân(chảy máu động mạch)	- Dùng tay bóp mạnh vào động mạch cánh tay trong vài phút - Buộc garô - Sát trùng vết thương, rồi băng lại - Đưa ngay đến bệnh viện cấp cứu.

CÁC ĐIỂM ẮN CHẶN ĐỘNG MẠCH



MẠCH MÁU TRONG CƠ THỂ

Một số cách băng bó trên cơ thể người ở các vị trí khác nhau:



Một vài hình ảnh sơ cứu khi bị mất máu



Rửa vết thương bằng nước sạch



Bôi kem kháng sinh



Băng vết thương